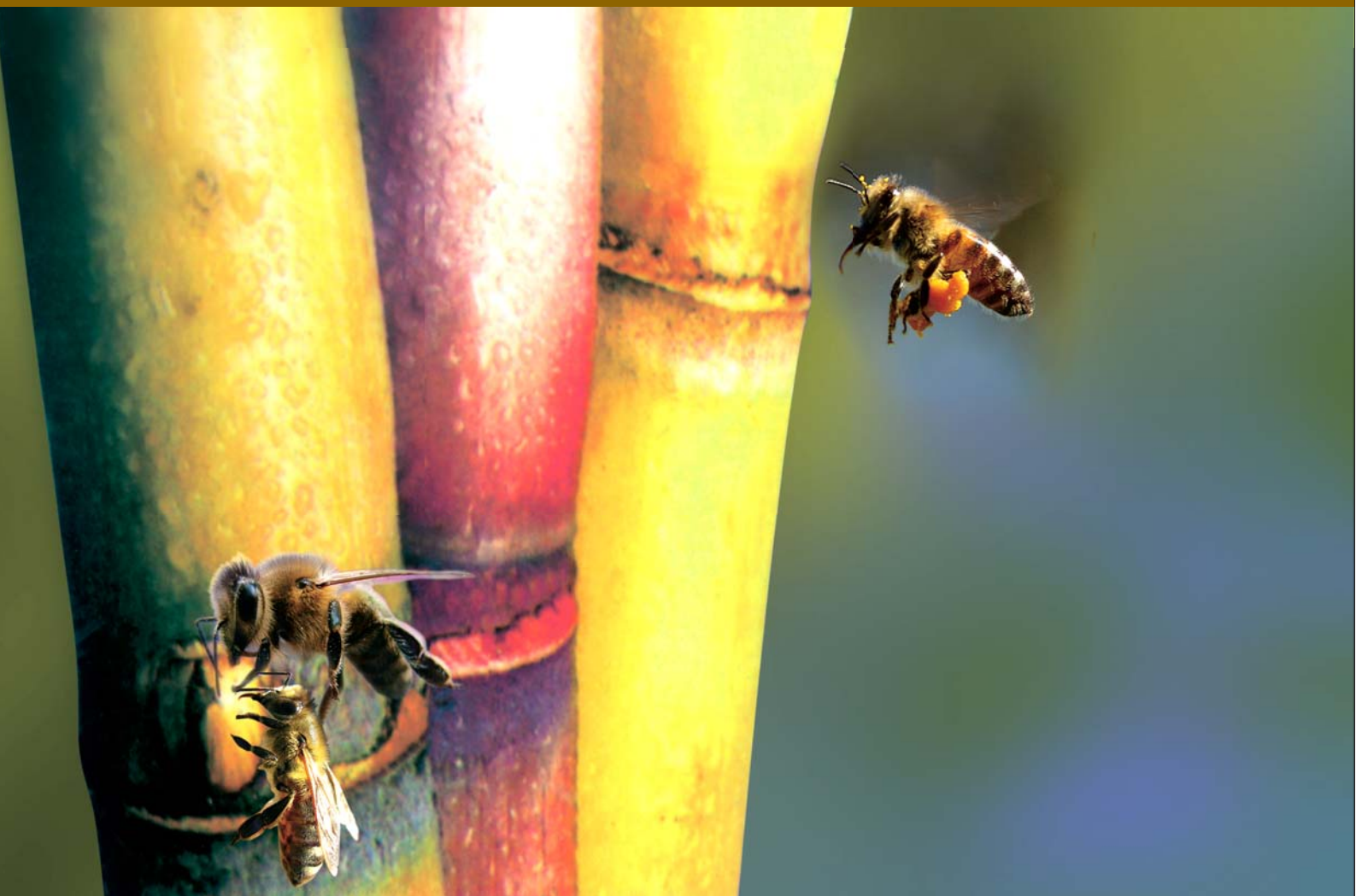


CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
LAM SON SUGAR JOINT STOCK CORPORATION



Báo cáo thường niên
Annual Report 2009





Lasuco *ngọt ngào tinh khiết*

Mục lục

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	4
Phần 1: Lịch sử hoạt động	7
Phần 2: Hoạt động của Hội đồng Quản trị	10
1. Những điểm sáng năm 2009	12
2. Một số chỉ tiêu quan trọng trong 5 năm gần nhất	12
3. Tình hình thực hiện so với kế hoạch	14
4. Định hướng phát triển	14
5. Các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2010	15
6. Các giải pháp	16
Phần 3: Hoạt động của Ban kiểm soát	17
Phần 4: Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	19
1. Tình hình hoạt động năm 2009	20
2. Những vấn đề khó khăn, tồn tại	23
3. Những tiến bộ đã đạt được	24
Phần 5: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009	26
Phần 6: Báo cáo tài chính riêng của Lasuco	50
Phần 7: Các công ty con và công ty liên quan	58
Phần 8: Sơ đồ tổ chức bộ máy – Tình hình nhân sự	60
Phần 9: Thông tin cổ đông và quản trị Công ty	63
Phần 10: Các giải thưởng nổi bật	67
Phần 11: Trách nhiệm với cộng đồng	69

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

“**Năm 2009 LASUCO tiếp tục chủ trương “ỔN ĐỊNH, CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ” lấy tăng trưởng bền vững, nâng cao chất lượng và hiệu quả là mục đích hàng đầu và xuyên suốt**”



Lê Văn Tam

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thưa quý Cổ đông, Quý nhà đầu tư và các đối tác chiến lược !

Năm 2009 đã khép lại, với biết bao khó khăn thách thức bởi hậu quả của khủng hoảng tài chính kinh tế thế giới và trong nước, bởi những biến động của thời tiết bão lũ khô hạn gay gắt, ảnh hưởng lớn đến nguồn nguyên liệu cho nhà máy và thị trường tiêu thụ đường... Song với trách nhiệm của mình HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành cùng đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động của Lasuco đã nỗ lực phấn đấu, tổ chức chỉ đạo và triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2009 đề ra “Ổn định - Chất lượng - Hiệu quả” đã đạt được những kết quả đáng khích lệ: Chất lượng tăng trưởng được nâng cao; Hiệu quả Sản xuất kinh doanh 2009 đạt mức cao nhất từ trước đến nay (lợi nhuận đạt 202 tỷ đồng) gấp 2 lần kế hoạch tăng 175% so với năm trước; Cổ tức đạt 25%; Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (EPS) là 5534 đồng. Tổng tài sản tăng 25% so với năm trước; Tình hình tài chính phát triển lành mạnh, vững chắc. Đầu tư tài chính đã được tái cấu trúc lại một bước, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Cần nhắc kỹ các dự án đầu tư, tập trung vốn cho sản xuất tạo tài sản mới, sản phẩm mới, việc làm mới...

Mô hình liên kết hợp tác Công - Nông - Trí được tiếp tục phát triển, vùng nguyên liệu được củng cố bền vững; Chương trình “Làm mới lại cây mía hạt đường Lam Sơn” được tổ chức triển khai có hiệu quả, bước đầu diện tích, năng suất, chất lượng và sản lượng mía được nâng lên. Mối quan hệ giữa người trồng mía - nhà máy - Công ty ngày càng gắn bó hơn, đang trở thành lực lượng chiến lược có tính quyết định quan trọng với sự phát triển bền vững, ổn định lâu dài của Lasuco. Thương hiệu Lasuco tiếp tục được phát huy. Vị thế hàng đầu trong ngành mía đường Việt Nam và top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam vẫn được giữ vững.

Tuy nhiên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành cũng nhận thức sâu sắc về trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và giám sát tổ chức thực hiện chưa thật sát sao, nhạy bén, kịp thời trước những diễn biến bất lợi của thị trường và những khắc nghiệt của thời tiết khí hậu, dẫn tới sản lượng mía và đường không đạt mục tiêu Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 đề ra, chúng tôi coi đây là bài học đắt giá đã nghiêm túc kiểm điểm nhìn rõ những cái được, chưa được của những tồn tại khuyết điểm và nguyên nhân; Xác định hướng đi mới cho những năm tới và những giải pháp khắc phục. Rất mong quý vị cổ đông và nhà đầu tư thông cảm và sẻ chia.

Thưa quý vị cổ đông, quý nhà đầu tư cùng các đối tác chiến lược !

Năm 2010 - Phát huy những kết quả đạt được, cùng những bài học kinh nghiệm, những lợi thế đã tạo ra trong 30 năm xây dựng và phát triển, 10 năm thực hiện cổ phần hoá, là đơn vị ANH HÙNG LAO ĐỘNG thời kỳ đổi mới, là một trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, một mô hình kinh tế mới, hợp tác liên kết Công - Nông - Trí gắn kết công nghiệp với nông nghiệp trong cơ chế thị trường đã và đang được Đảng, Nhà nước đánh giá cao, đang có sức hấp dẫn trong xu thế hội nhập, phát triển mới.

Năm 2010 - Với Lasuco là một dấu mốc quan trọng, việc hoàn thành kế hoạch năm nay sẽ góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch cả thời kỳ 2001-2010, tạo ra bước bứt phá mới, tạo nền móng và thế đứng vững chắc cho bước tăng trưởng với chất lượng và hiệu quả cao trong thời kỳ 2011-2020 bằng việc đổi mới mạnh mẽ cơ chế vận hành bộ máy và tư duy, hành động của tất cả CBCNV của Lasuco.

Hội đồng Quản trị chúng tôi xin cam kết sẽ nỗ lực phấn đấu hết sức mình vì sự phát triển của Lasuco, gắn kết lợi ích trước mắt với mục tiêu phát triển bền vững lâu dài. Tôn trọng và giải quyết hài hoà mối quan hệ lợi ích của các cổ đông, nhà đầu tư, đối tác chiến lược - người trồng mía - CBCNV, giữa tích lũy cho Lasuco và trách nhiệm xã hội cộng đồng. Phát huy dân chủ, động viên tính hợp tác, tính năng động sáng tạo của mọi thành viên trong doanh nghiệp, coi chất lượng và hiệu quả là hàng đầu và xuyên suốt trong mọi lĩnh vực, đồng thời đề cao vai trò trách nhiệm cá nhân trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010 đề ra. Thực hiện có hiệu quả chính sách chất lượng và văn hoá doanh nghiệp Lasuco là:

“Thoả mãn mọi nhu cầu chính đáng của khách hàng, bảo đảm hài hoà các mối quan hệ lợi ích. Thường xuyên duy trì và cải tiến hệ thống quản lý một cách có hiệu quả với trách nhiệm và nghĩa vụ tham gia của mọi CBCNV trên nền tảng của ISO 9000”.

“Hợp tác - Năng động - Sáng tạo - Chất lượng - Hiệu quả”

Chúng tôi rất mong nhận được sự đồng cảm, động viên ủng hộ của toàn thể cổ đông, quý nhà đầu tư, đối tác chiến lược.

Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát cùng đội ngũ quản lý, kỹ thuật và tất cả CBCNV cùng bà con nông dân trồng mía vùng Lam Sơn hơn lúc nào hết hãy hợp tác, hợp lực, bình tĩnh sáng suốt nhạy bén, nắm chắc cơ hội vượt qua thách thức, quyết tâm cao đồng góp trí tuệ, tâm lực hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm 2010.

Xin trân trọng cảm ơn!

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



LÊ VĂN TAM

Phần 1

Lịch sử hoạt động của Công ty





1. Những sự kiện quan trọng

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước

sang Công ty cổ phần theo quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1999 của Thủ Tướng Chính phủ với vốn điều lệ là 150 tỷ đồng.

Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 056673 do sở Kế hoạch đầu tư Thanh Hóa cấp ngày 23/12/1999, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 21/06/2007.

Công ty chính thức giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán TP HCM vào ngày 09/01/2008 với mã chứng khoán là LSS. Vốn điều lệ 300 tỷ đồng.

Trong năm 2009, trên sàn giao dịch chứng khoán HOSE, cổ phiếu LSS luôn ở vị trí hàng đầu trong ngành mía đường và được đánh giá là một trong số những cổ phiếu tăng trưởng ấn tượng.

Năm 2009 là năm LSS đạt mức lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 212 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 163 tỷ đồng.

Một số sự kiện quan trọng trong lịch sử phát triển của LASUCO

STT	Mốc thời gian	Những sự kiện quan trọng
1	12/01/1980	Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 24/TTg phê duyệt xây dựng Nhà máy đường Lam Sơn (nay là Nhà máy đường Lam Sơn I)
2	31/03/1980	Bộ Lương thực Thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT) ký quyết định số 488 LT-TP/KTCB thành lập Ban kiến thiết Nhà máy đường Lam Sơn. Địa điểm xây dựng nhà máy tại xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hoá (nay là Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá)
3	14/03/1981	Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 61/TTg khởi công xây dựng nhà máy và đưa công trình vào danh mục trọng điểm cấp Nhà nước.
4	28/04/1986	Thủ Tướng Chính phủ ký quyết định thành lập Nhà máy đường Lam Sơn.
5	02/11/1986	Nhà máy đi vào sản xuất vụ đầu tiên.
6	08/01/1994	Bộ Nông nghiệp và PTNT ký Quyết định số 14 NN-TCCB đổi tên Nhà máy đường Lam Sơn thành Công ty đường Lam Sơn.
7	06/12/1999	Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1133/QĐ-TTg chuyển Công ty đường Lam Sơn thành Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn.
8	01/01/2000	Công ty đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với vốn điều lệ 150 tỷ đồng.
9	21/12/2007	Sở giao dịch chứng khoán TP HCM ký quyết định số 182/QĐ-SGDHCM chấp thuận niêm yết cổ phiếu Lasuco. Ngày 09/01/2008 cổ phiếu của Lasuco với mã LSS chính thức giao dịch tại sàn chứng khoán TP HCM.



2. Quá trình phát triển của Công ty

2.1 Ngành nghề kinh doanh

Tên Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG
LAM SƠN

Tên giao dịch:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG
LAM SƠN

Tên tiếng Anh:

LAMSON SUGAR JOINT STOCK
CORPORATION

Tên viết tắt: LASUCO JSC

Logo:



Trụ sở chính: Thị trấn Lam Sơn -
Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hoá

Telephone: (84-373) 834 091/93

Fax: (84-373) 834 092

Email: lasuco@hn.vnn.vn

Website: www.lasuco.com.vn

Ngành nghề kinh doanh:

Công nghiệp đường, cồn, nha, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu, sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa, bò thịt, chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn, ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh;

Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

2.2 Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2009

Một số chỉ tiêu tài chính đạt được năm 2009 (theo báo cáo tài chính hợp nhất)

Tổng doanh thu thuần đạt 1.099,5 tỷ đồng bằng 115% so với kế hoạch và bằng 97,15% so với năm 2008; Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2009 đạt 5.534 đồng/CP tăng 3.078 đồng/CP so với kế hoạch và tăng 3.078 đồng/CP so với năm 2008.

Lợi nhuận trước thuế đạt 211,98 tỷ đồng tăng gấp hơn 02 lần so với kế hoạch và tăng 2,26 lần so với năm 2008.

Tổng tài sản đến 31/12/2009 đạt 998 tỷ đồng, tăng 15,1% so với thời điểm 31/12/2008.

Nộp ngân sách năm 2009 đạt 28,48 tỷ đồng, đạt 43% kế hoạch, giảm 54,2% so với năm 2008 (do thuế TNDN năm 2009 được giãn nộp sang 2010)

Cổ tức đạt 25%, kế hoạch đại hội cổ đông giao là 13%-15%.



Phần 2

Hoạt động của hội đồng quản trị



Lê Văn Tam

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Bùi Xuân Sinh

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bước vào năm 2009, nền kinh tế nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm thu hẹp đáng kể thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế của nước ta. Cũng là năm mà khu vực Miền trung và Tây Nguyên chịu nhiều thiệt hại từ bão, lũ, thiên tai dịch bệnh... đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất cũng như đời sống của nông dân, người trồng mía. Song bên cạnh đó chúng ta cũng có những thuận lợi nhờ tận dụng tốt các giải pháp kích cầu sản xuất, tiêu dùng và bảo đảm an sinh xã hội của Chính phủ ; thị trường, giá bán đường cũng có nhiều thuận lợi do thiếu hụt nguồn cung đường của Thế giới cũng như trong nước... Trong bối cảnh đó, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành bằng những định hướng chiến lược và lãnh đạo chỉ đạo thực thi nhiều giải pháp thích hợp và linh hoạt tập trung cao vào mục tiêu "Ổn định - Kỷ cương - Chất lượng - Hiệu quả" động viên toàn thể lực lượng CBCN lao động trong doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, tăng năng suất lao động...



Lê Văn Tiến

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Phan Văn Ngọc

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Nguyễn Bá Chủ

Ủy viên Hội đồng Quản trị



1. Những điểm sáng trong năm 2009 của Lasuco đó là:

Thứ nhất: Hiệu quả SXKD đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Lợi nhuận trước thuế 211,98 tỷ đồng gấp hơn 2 lần so với kế hoạch. Cổ tức đạt 25%/vốn cổ phần bằng 166% so với nghị quyết đại hội cổ đông giao.

Thứ hai: *Vùng nguyên liệu được tổ chức lại, bền vững và hiệu quả cao hơn bằng chương trình làm mới "Cây mía hạt đường Lam Sơn".* Thường trực HĐQT đã tổ chức trên 50 cuộc làm việc trực tiếp với các

huyện, xã, nông trường, HHMĐ, chủ hợp đồng...trao đổi, thảo luận những chủ trương mới về cơ chế thu mua, chính sách đầu tư thâm canh làm mới lại cây mía Lam Sơn; đã ban hành các chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển cây mía, nâng mức đầu tư ứng trước lên 300.000 đồng/tấn mía; vụ 2009/2010 đã đầu tư 172 tỷ đồng cho người trồng mía (trong đó khối nông trường 57 tỷ đồng, các hộ 144 tỷ đồng); Lực lượng làm công tác nguyên liệu đã được tổ chức lại với chức năng khuyến nông và đầu tư thu mua, đã ký hợp đồng và đào tạo cho các xã trọng điểm vùng mía 27 kỹ sư theo phương thức vừa học vừa làm.

Thứ ba: Trách nhiệm với cộng đồng: Công ty đã giải quyết tốt môi trường xanh, sạch, đẹp và thành lập "Quỹ khuyến học mía đường Lam Sơn" nhằm khuyến khích tăng cường công tác khuyến học cho con em vùng mía vì sự phát triển bền vững lâu dài của Lasuco.

Thứ tư: Tái cấu trúc lại bộ máy tổ chức, bộ máy quản trị doanh nghiệp. Hoàn thiện hệ thống quản lý gắn trách nhiệm và lợi ích của người lao động, bước đầu đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. CBCNV nâng cao ý thức trách nhiệm, kết quả SXKD của năm 2009 cũng như hiệu quả sản xuất chế biến tại Nhà máy đạt được thành quả cao nhất từ trước đến nay.

2. Một số chỉ tiêu tài chính quan trọng trong 5 năm gần nhất

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng tài sản	975.650	913.700	989.290	867.306	997.928
Vốn chủ sở hữu	290.486	477.774	595.656	544.996	671.638
Trong đó: Vốn điều lệ	200.801	260.000	300.000	300.000	300.000
Doanh thu thuần	796.879	835.864	951.894	1.131.769	1.099.579
Lợi nhuận gộp về bán hàng	165.552	164.280	172.203	209.188	227.418
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	84.827	88.823	125.127	89.973	212.069
Lợi nhuận trước thuế	80.965	72.811	116.507	93.698	211.982
Lợi nhuận sau thuế	69.813	63.408	87.516	72.921	163.319
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	63,13%	Bằng CP	67,89%	60,70%	46,6%
Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	20%	10:1	20%	15%	25%



Lãi cơ bản trên cổ phiếu trong 05 năm gần nhất: (số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất)

Về sản xuất (số liệu sản xuất tại Công ty mẹ)

Sản phẩm đường đạt 77.352,2 tấn đạt 86% so với kế hoạch

Sản phẩm cồn đạt 8,36 triệu lít đạt 55,73% so với kế hoạch

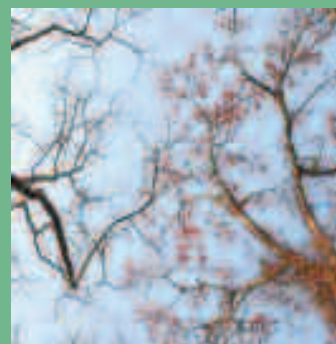
Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008	2009
Số lượng CP lưu hành BQ trong năm (cổ phiếu)	18.571.220	20.834.700	27.555.433	29.683.626	29.509.470
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (VNĐ)	3.759	3.043	3.187	2.456	5.534

Vốn chủ sở hữu của Công ty tại 31/12/2009 là 672 tỷ đồng chiếm 67,30% tổng nguồn vốn; so với tài sản dài hạn là 413 tỷ đồng gấp 1,63 lần. Điều này cho thấy Công ty có khả năng độc lập cao về tài chính; không bị áp lực về vốn vay để tài trợ cho các tài sản dài hạn.

Nợ phải trả của Công ty tại 31/12/2009 là 290 tỷ đồng chiếm 29,03% tổng nguồn vốn; Hệ số nợ phải trả giảm từ 31,83% (năm 2008) xuống còn 29,03% (năm 2009) điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đem lại lợi nhuận khả quan nên Công ty đã trả dần những khoản nợ vay (ngắn hạn, dài hạn). Có thể nói Công ty đã sử lý tốt các khoản nợ của mình và hoàn toàn chủ động về tài chính.

Cơ cấu nguồn vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2009 như sau (theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán)

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/09	31/12/08
Cơ cấu tài sản:			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	58,63	42,52
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	41,37	57,48
Cơ cấu nguồn vốn:			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	29,03	31,83
Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	67,30	62,84
Lợi ích cổ đông thiểu số		1,19	3,80





3. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đại hội cổ đông năm 2009 đề ra lợi nhuận trước thuế từ 80 tỷ đến 95 tỷ đồng, cổ tức 13% đến 15%/vốn cổ phần

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2009 (số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2008	Năm 2009		So sánh TH 2009	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH 2008	KH2009
1	Doanh thu thuần	Tr.đồng	1.131.769	952.000	1.099.579	-32.190	+147.579
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	72.921	71.250	163.319	+90.398	+92.069
3	EPS	đ/CP	2.456	2.475	5.534	+3.078	+3.059
4	Cổ tức	%	15	13-15%	25%	+10%	+10%

Tổng doanh thu đạt 1.099,6 tỷ đồng vượt 15,5% so với kế hoạch

Lợi nhuận sau thuế 163,3 tỷ đồng đạt mức cao nhất từ trước đến nay, tăng gấp hơn 02 lần so với kế hoạch

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009 có ý nghĩa rất quan trọng vì nó chính là động lực để Lasuco tự tin bước vào thực hiện kế hoạch năm 2010. Năm 2010 cũng là năm cuối của giai đoạn 2001 – 2010. Việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010 sẽ góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra cho cả giai đoạn 10 năm tiếp theo 2011 – 2020. Vì vậy quyết tâm của Lasuco trong năm 2010 là phát huy cao nhất những lợi thế vốn có, khắc phục những tồn tại, không ngừng đổi mới cơ chế vận hành bộ máy, phát huy tinh thần của tất cả CBCNV Công ty để đạt mức tăng trưởng hàng năm bình quân 20% - 25% so với năm trước, nâng cao chất lượng hiệu quả sản xuất kinh doanh tạo nền móng và tiền đề vững chắc cho giai đoạn phát triển 2011 – 2020.

4. Định hướng phát triển

Trải qua 30 năm xây dựng và phát triển với 10 năm hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần – Lasuco là đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới, là một trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam – Là một mô hình kinh tế mới **hợp tác liên kết Công – Nông – Trí thức**, gắn kết công nghiệp với nông nghiệp, đang có sức hấp dẫn trong xu thế hội nhập và phát triển mới.

Năm 2010 với Lasuco là một dấu mốc quan trọng, phải tạo ra bước bứt phá mới, tạo lập thế đứng vững chắc cho bước tăng trưởng với chất lượng và hiệu quả cao hơn trong thời kỳ 2011-2020.

Mục tiêu chiến lược là: Chất lượng - Hiệu quả. Mang lại lợi ích và giá trị gia tăng cho Cổ đông, nhà đầu tư, người trồng mía, người lao động trong doanh nghiệp, có trách nhiệm cao với cộng đồng.



5. Phương hướng và kế hoạch kinh doanh năm 2010

Năm 2010, kinh tế thế giới và trong nước tuy đã có bước phục hồi nhưng chưa thực sự vững chắc, vẫn còn đó những thách thức, những diễn biến khó lường từ nguy cơ suy thoái sâu hay lạm phát quay trở lại, tài chính tiền tệ đang là vấn đề bức xúc, giá cả vật tư tăng, trong khi giá đường trong nước và thế giới giảm sút đáng báo động; vùng nguyên liệu mía vẫn nhiều thách thức; do đó nhiệm vụ đặt ra là kiên trì xây dựng vùng nguyên liệu bền vững theo hướng thâm canh, tăng năng suất, chất lượng mía; mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất chế biến công nghiệp; thực hành tiết kiệm triệt để; nâng cao chất lượng, nguồn lực lao động.

Nhiệm vụ cơ bản: Tiếp tục đầu tư phát triển vùng nguyên liệu một cách vững chắc bằng con đường **thâm canh, tăng năng suất và chất lượng mía**, với chủ trương **“Làm mới lại cây mía và hạt đường Lam Sơn”**. Đồng thời, tăng năng lực tài chính mở rộng quy mô sản xuất, tăng tài sản tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hoá mới thiết yếu có tính chiến lược - năng lượng sinh học (Bio Diesel), mở rộng công suất nhà máy đường 2 lên 7.500TCD; đầu tư bổ sung thiết bị và công nghệ xử lý tinh bột cho nhà máy cồn nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị, tăng doanh số, giải

quyết việc làm cho lao động. Sản phẩm chủ yếu trong năm là mía – đường – cồn, đảm bảo tốc độ tăng trưởng đạt từ 15%-20% trở lên.

5.1 Mục tiêu cụ thể năm 2010

- Sản phẩm đường: 85.000 tấn.
- Sản phẩm cồn: 8 triệu lít.
- Doanh thu (có VAT): 1.250 tỷ đồng.
- Doanh thu thuần: 1.143 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 250 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách: 62,5 tỷ đồng
- Cổ tức: 15 - 17%.
- Thu nhập người lao động, tăng 10 - 15%

5.2 Chương trình đầu tư năm 2010:

Tổng mức đầu tư cho năm 2010: là 485 tỷ đồng để triển khai các dự án

TT	Tên dự án	Tổng đầu tư(tỷ đồng)	Giải ngân năm 2010 (tỷ đồng)
1	Đầu tư mở rộng công suất NMĐ2 lên 7.500 TMN	650	320
2	Tiếp tục triển khai dự án “Làm mới lại cây mía hạt đường Lam Sơn” và dự án tưới nước nhỏ giọt công nghệ cao Netafim	300	30
3	Đầu tư xây dựng Khách sạn Lam Sơn – Sầm Sơn	80	30
4	Đầu tư xây dựng khu văn phòng làm việc và nhà ở tại 64 Bạch Đằng - Hà Nội	70	20
5	Đầu tư tài chính: Điều chỉnh và cân đối lại cơ cấu vốn cổ phần của Lasuco tại các công ty thành viên đảm bảo theo hướng nắm quyền chi phối	250	25
6	Đầu tư bổ sung thiết bị công nghệ hồ hoá tinh bột cho Nhà máy Cồn	80	50
7	Dự phòng		10
Tổng số:			485





6. Các giải pháp:

- **Tập trung cao phát triển nguyên liệu mía thâm canh, tăng năng suất, chất lượng đạt mục tiêu tối thiểu từ 1,0 triệu tấn trở lên:** Tập trung triển khai Dự án Làm mới lại cây mía bắt đầu từ vụ ép 2009/2010 và chính sách đầu tư phát triển mía vụ 2010/2011. Thúc đẩy dự án hợp tác với nông dân đầu tư vốn thuê đất, tích tụ đất đai hình thành các Công ty Cổ phần kinh doanh Nông nghiệp, trồng mía công nghệ cao theo phương thức nông dân góp đất, Công ty góp vốn đầu tư kỹ thuật và quản lý để tạo ra những vùng sản xuất hàng hoá lớn, bền vững.

- **Tăng nhanh năng lực tài chính, đầu tư mở rộng quy mô sản xuất,** tăng tài sản tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hoá thiết yếu có tính chiến lược thời đại — năng lượng tái tạo (Biodiesel); Đầu tư thiết bị công nghệ mới, mở rộng nâng công suất Nhà máy đường 2 lên 7.500 TMN; Đầu tư bổ sung thiết bị, công nghệ sử lý tinh bột cho nhà máy Cồn để giải quyết vấn đề thiếu nguyên liệu mặt rỉ, nâng cao hiệu quả thiết bị hiện có, tăng doanh thu, tăng sản phẩm và việc làm cho công nhân.

- **Nâng cao trách nhiệm với cộng đồng, kiểm soát và bảo vệ môi trường:** Đầu tư cơ sở vật chất đủ điều kiện để kiểm soát môi trường, sử lý triệt để chất thải, nước thải trong khu vực công ty quản lý. Triển khai có hiệu quả dự án khảo nghiệm phân bón Bảo Nông Lam Sơn cho mía để phát triển rộng cho các năm tiếp theo, hợp tác và chia sẻ cho các địa phương trong vùng mía góp phần giải quyết các vấn đề xã hội cần thiết.

- **Đổi mới công tác thị trường,** xây dựng phương án bán hàng, chương trình bán lẻ cho hệ thống các đại lý, hệ thống siêu thị trong và ngoài tỉnh để tạo ra giá trị thương hiệu, uy tín của Lasuco trên thị trường và mang lại giá trị thương mại cao hơn, đồng thời tránh các rủi ro khi thị trường có những biến động không thuận lợi với ngành hàng.

- **Tiếp tục nâng cao hiệu quả Dự án tái cấu trúc bộ máy tổ chức quản lý nhân sự gắn với cơ chế thu nhập tiền lương.** Rà soát bố trí lại lao động, đúng người đúng việc, nâng cao hiệu suất và năng suất lao động. Triển khai kế hoạch đào tạo bổ sung nguồn nhân lực kế cận cho bước phát triển và đáp ứng các yêu cầu mới.



Phần 3

Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2009, BKS đã thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của mình thực thi nhiệm vụ thông qua việc tiếp nhận và xử lý thông tin bên trong và bên ngoài có liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty.



Lê Thị Tiến
Trưởng ban



Lê Văn Quang
Thành viên



Đỗ Văn Mạnh
Thành viên



Phùng Thanh Hải
Thành viên



1. Kết quả hoạt động năm 2009

Năm 2009, BKS đã thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của mình thực thi nhiệm vụ thông qua việc tiếp nhận và xử lý thông tin bên trong và bên ngoài có liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty. BKS tổ chức họp thường xuyên để tổng kết các công việc đã triển khai và thống nhất nội dung cũng như ý kiến đưa ra trong các phiên họp HĐQT. Thông qua các kỳ kiểm tra, BKS đều có báo cáo đánh giá những tồn tại, nguyên nhân, và đề xuất giải pháp khắc phục và giám sát quá trình khắc phục tồn tại.

Về nhân sự Ban kiểm soát: tháng 9/2009, do yêu cầu của công tác nhân sự ông Lê Hùng Lâm, đã có đơn từ chức thành viên BKS, đồng thời nhận nhiệm vụ mới. Vì vậy từ ngày 4/9/2009 BKS còn 4 thành viên, trong đó có 3 thành viên làm việc theo chế độ thường trực. Tháng 10/2009, hai trong 3 thành viên thường trực còn làm Trưởng BKS của Công ty CP Phân bón Lâm Sơn và Công ty CP Cơ giới NN Lâm Sơn, BKS đã tổ chức phân công lại nhiệm vụ cho các thành viên phù hợp với tình hình nhân sự mới và nhiệm vụ kỳ tới.

Trong năm qua BKS đã tập trung kiểm soát những nội dung sau:

- Tổ chức kiểm tra xác nhận báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty, đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong việc thực hiện NQ ĐHCĐ thường niên năm 2008. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch báo cáo trước ĐHCĐ Thường Niên năm 2009;

- Tham gia chuẩn bị các điều kiện tổ chức và giám sát cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2009, vào ngày 17 tháng 4 năm 2009;

- Đánh giá tình hình thực hiện các kế hoạch SXKD của Công ty hàng quý, năm; Giám sát trình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2009, nghị quyết HĐQT hàng quý, từ đó đề xuất kiến nghị ý kiến trong quản trị và điều hành;

- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm; Xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính đồng thời giám sát Ban điều hành trong việc thực thi những kiến nghị do kiểm toán và BKS đưa ra;

- Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ tại một số các đơn vị phòng ban trọng điểm (Phòng Vật tư và TTSP, Phòng Kế hoạch đầu tư và Phát triển, Xí nghiệp nguyên liệu). Trong quá trình kiểm tra, giám sát, BKS đã đánh giá những mặt tích cực đồng thời đóng góp giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại. Qua đó đầu mối, gắn kết và yêu cầu các đơn vị phối kết hợp để phục vụ và giám sát lẫn nhau nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung;

- Thực hiện yêu cầu của HĐQT trong việc đánh giá mô hình hoạt động, cơ chế hoạt động và hiệu quả của các công ty do Lasuco sáng lập và một số công ty liên kết; Đánh giá hoạt động của các trạm giống nguyên liệu và chính sách giá ngọn xuất đầu tư áp dụng tại trạm giống, từ đó có những đề xuất với HĐQT các giải pháp khắc phục tồn tại.

2. Phương hướng hoạt động của ban kiểm soát

Năm 2010, BKS tiếp tục đi sâu kiểm soát theo chuyên đề, từ đó phát hiện kịp thời những tồn tại và khắc phục theo mối quan hệ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong quá trình quản trị, điều hành Công ty.

Để thực hiện có hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu của Kiểm soát hoạt động, các thành viên BKS: tiếp tục và tích cực không ngừng tra cứu, học tập tiếp thu kiến thức mới; Coi trọng công tác kiểm tra, xác nhận Báo cáo tài chính, kiểm tra tính tuân thủ pháp luật, các quy định chuẩn mực trong hạch toán và tính tuân thủ về nguyên tắc thủ tục trong quản lý; kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch và định mức chi phí SXKD, kiểm soát cơ chế quản lý. Đi sâu vào kiểm soát các chuyên đề như: tổ chức, quản lý vùng nguyên liệu; công tác kế hoạch trong quản trị điều hành về chi phí SXKD.

Qua quá trình kiểm tra BKS sẽ phát hiện, đánh giá những mặt mạnh, mặt yếu trong quản lý kinh tế tài chính, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý và tăng cường hiệu lực của Hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông.



Phần 4

Hoạt động của Ban Tổng giám đốc





1. Tình hình hoạt động năm 2009

Năm 2009 có những thuận lợi cơ bản, đó là: các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đã được vận dụng có hiệu quả, giá đường những tháng cuối năm đã phục hồi, hàng hoá tiêu dùng trên thị trường sôi động, giá cổ phiếu LSS tiếp tục đứng đầu ngành mía đường. Tuy nhiên đây cũng là năm tiếp tục khó khăn, dư âm khủng hoảng kinh tế vẫn tồn tại, giá cả bắp bênh, giá mía và các khoản chi phí đều tăng cao, nguyên liệu vẫn trong tình trạng trôi sụt, diện tích thâm canh chưa được nhiều, đầu tư tiếp tục tăng nhưng hiệu quả mang lại chưa tương xứng...

Tình hình đó đã làm ảnh hưởng nhiều mặt tới kết quả SXKD chung của công ty, nhưng với sự cố gắng vượt qua thách thức, biết tận dụng những cơ hội và thực thi đồng bộ nhiều giải pháp kinh tế phù hợp

Công ty đã vượt qua khó khăn, ổn định SXKD, chỉ tiêu chất lượng - hiệu quả đạt khá, cao hơn năm 2008.

1.1 Kết quả đạt được như sau:

- Đường nhập kho (Công ty mẹ): 77.352 tấn = 85,94% KH và = 73,51% năm 2008.

- Cồn nhập kho (Công ty mẹ): 8,36 triệu lít = 55,73% KH và = 42,32% năm 2008.

- Giá bán bình quân cả năm: Đường 9.269 đồng/kg, tăng 1.832 đồng so với năm 2008 (trong đó 9 tháng đầu năm: 8.472 đồng/kg, 3 tháng cuối năm 13.389 đồng/kg). Cồn: 8.887 đồng/lít, tăng 705 đồng/lít so với năm 2008 (trong đó 9 tháng đầu năm 7.952 đồng/lít, 3 tháng cuối năm 11.439 đồng/lít).

- Tổng doanh thu thuần (hợp nhất) đạt 1.099,5 tỷ đồng bằng 115% so với kế hoạch và bằng 97,15% so với năm 2008

- Lợi nhuận trước thuế đạt 211,98 tỷ đồng bằng 166,67% kế hoạch, bằng 226,2% so với năm 2008.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 5.534 đồng/CP tăng 1,25 lần so với năm 2008. Cổ tức 25% tăng 10% so với kế hoạch đại hội cổ đông giao.

- Nộp ngân sách 28,488 tỷ đồng = 63,5% KH và = 45,81% năm 2008 là do Thuế TNDN năm 2009 được giảm nợ sang năm 2010 là 46,699 tỷ đồng.

- Tình hình tài chính ổn định vững vàng: Tổng tài sản 998 tỷ đồng, tăng 15,1% so với đầu năm; Tích lũy vốn chủ sở hữu tăng 23,3% so với đầu năm; Cơ cấu nguồn vốn chủ sở hữu và nợ phải trả trên nguồn vốn phản ánh tính chủ động cao về tài chính của Công ty; Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu và trên tổng tài sản tăng cao so với năm trước; Các chỉ số về khả năng thanh toán hiện hành, thanh toán nợ ngắn hạn và thanh toán nhanh đều tốt hơn so với đầu kỳ.



1.2 Tình hình tài chính

- Sản lượng sản xuất tiêu thụ theo từng năm: (số liệu từ báo cáo tài chính Công ty mẹ qua 05 năm gần nhất)

Chỉ tiêu	ĐVT	2005	2006	2007	2008	2009
Sản lượng SX						
- Đường	Tấn	84.412	83.690	107.802	105.220	77.352
- Cồn	1.000L	11.948	8.850	16.036	19.754	8.360
Sản lượng tiêu thụ						
- Đường	Tấn	94.439	68.898	115.657	102.577	80.272
- Cồn	Lít	11.280.041	9.189.591	14.713.902	19.486.964	8.682

- Sản lượng mía theo vụ: (số liệu Công ty mẹ qua 05 năm gần nhất)

Chỉ tiêu	ĐVT	Vụ 2005-2006	Vụ 2006-2007	Vụ 2007-2008	Vụ 2008-2009	Vụ 2009-2010
Diện tích	Ha	15.235	15.292	15.590	15.050	13.200
Sản lượng	Tấn	707.254	949.066	1.117.804	692.737	662.854
Năng suất	Tấn/ha	46,42	62,06	71,7	46	50,2

- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản (Số liệu từ báo cáo tài chính hợp nhất 05 năm gần nhất)

Chỉ tiêu	ĐVT	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng tài sản	Tr.đồng	975.650	913.700	989.290	867.306	997.928
Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	290.486	477.774	595.656	544.996	671.638
Trong đó: Vốn điều lệ	Tr.đồng	200.801	260.000	300.000	300.000	300.000
Doanh thu thuần	Tr.đồng	796.879	835.864	951.894	1.131.769	1.099.579
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	69.813	63.408	87.516	72.921	163.319
EPS	Đồng	3.759	3.043	3.187	2.456	5.534
ROA		7,16	6,94	10,09	8,41	16,37
ROE		24,01	13,27	14,69	13,38	24,32





- Biên lợi nhuận gộp và biên lợi nhuận hoạt động SXKD trong 05 năm gần nhất (số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất)

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008	2009
Doanh thu thuần	796.879	835.864	951.894	1.131.769	1.099.579
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	165.552	164.280	172.203	209.188	227.418
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	84.827	88.823	125.127	89.973	212.069
Biên Lợi nhuận gộp	20,8%	19,65%	18,1%	18,5%	20,68%
Biên lợi nhuận hoạt động SXKD	10,6%	10,6%	13,1%	8,0%	19,29%

Biên lợi nhuận gộp của Công ty trong 05 năm qua được duy trì ở mức tương đối ổn định ở mức khoảng 18%-20,8%. Biên lợi nhuận gộp trong năm 2009 đạt 20,68%; năm 2008 là 18,5%.

Biên lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2005 đến năm 2008 cũng luôn luôn ổn định và duy trì ở mức 8%-13%. Năm 2009 biên lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt mức cao nhất đạt 19,29% so với doanh thu thuần

- Khả năng sinh lời (số liệu từ báo cáo tài chính hợp nhất qua 05 năm gần nhất)

Chỉ tiêu	ĐVT	2005	2006	2007	2008	2009
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn						
Cơ cấu tài sản						
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	57,29	47,72	49,55	42,52	58,63
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	42,71	52,28	50,45	57,48	41,37
Cơ cấu nguồn vốn						
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	65,26	42,81	34,63	31,83	29,03
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	31,56	54,18	60,21	62,84	67,03
Lợi ích cổ đông thiểu số	%					
Khả năng sinh lời						
Lợi nhuận sau thuế/ vốn CSH (ROE)	%	24,01	13,27	14,69	13,38	24,32
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	7,16	6,94	10,09	8,41	16,37
Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	8,68	7,42	9,19	6,44	14,85
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	3.759	3.043	3.187	2.456	5.534
Khả năng thanh toán						
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,53	2,34	2,89	3,14	3,45
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,03	2,27	2,02	1,84	2,20
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,11	0,62	0,92	0,30	1,07

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009: 22.388 đồng/CP

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại: Tính đến thời điểm 31/12/2009 tổng số cổ phiếu LSS đang lưu hành là 29.509.470 cổ phiếu (100% là cổ phiếu phổ thông). Số lượng cổ phiếu quỹ là 490.530 cổ phiếu.

- Cổ tức chia cho các cổ đông:

Chi trả cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt: Nghị quyết Đại Hội cổ đông thường niên năm 2009 họp ngày 17 tháng 04 năm 2009 đã thống nhất quyết nghị việc chi trả cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt với tỷ lệ chi trả cổ tức 13-

15%/vốn cổ phần (1.300-1.500 đồng/cổ phần).

Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 họp ngày 15/04/2010 đã thống nhất quyết nghị chi cổ tức năm 2009 là 25%. Trong đó

Đã thực hiện chi trả đợt 1 là 8% (800 đồng/CP). Ngày đăng ký cuối cùng là 28/08/2009, số tiền cổ tức đã chi là 57.417.660.000 đồng.

Chi cổ tức đợt 02 năm 2009 là 7% (700 đồng/CP). Ngày đăng ký cuối cùng là 15/03/2010, ngày chi trả là 20.05.2010.

10% còn lại sẽ thực hiện thông báo chốt danh sách cổ đông theo đúng quy định của Sở giao dịch CK TPHCM

2. Những vấn đề khó khăn, tồn tại:

Năm 2009 một số chỉ tiêu về sản lượng mía, đường, cồn không đạt được kế hoạch ĐHCĐ thường niên đã đề ra, nguyên nhân:

2.1. Vùng nguyên liệu vẫn còn khó khăn:

Các điều kiện để đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thâm canh, thu hoạch rất khó khăn do diện tích manh mún, nhỏ lẻ, đất đồi cao; lao động làm mía trong vùng thiếu hụt. Bên cạnh đó cây mía lại phải chống chọi với thời tiết khắc nghiệt và sự cạnh tranh của các cây trồng khác như cây Sắn, Dứa, Cao su...

2.2. Bộ máy quản lý nhân sự:

Đã được soát xét nhưng vẫn chưa đáp ứng yếu cầu đổi mới và phát triển, lực lượng trực tiếp làm công tác nguyên liệu còn thiếu... nguồn nhân lực bổ sung thay thế chưa chuẩn bị kịp.

2.3. Các dự án đầu tư XDCB đã được triển khai, nhưng tiến độ còn chậm:

- Dự án đầu tư XD Trung tâm văn hoá thể thao Lam Sơn tiến độ thi công chậm, đang khẩn trương hoàn thiện để đưa công trình vào hoạt động nhân ngày Quốc tế Lao động 1/5/2010.

- Dự án Mở rộng công suất nhà máy đường 2: đã cơ bản xác định nâng công suất từ 4.000TCD lên 7.500TCD, đang tập trung chuẩn bị dự án để xem xét triển khai.

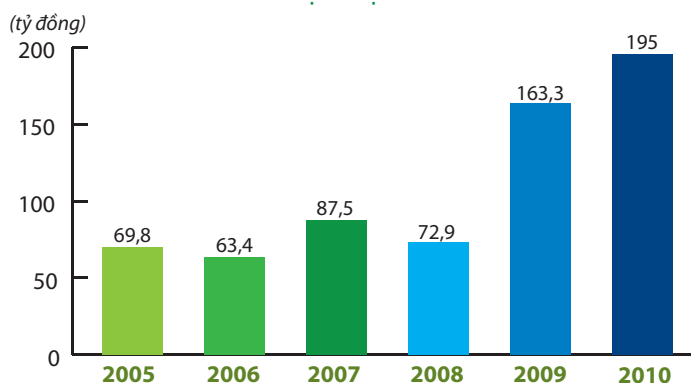
- Dự án đầu tư khách sạn Lam Sơn và xây dựng Văn phòng làm việc – nhà ở tại Bạch Đằng Hà Nội đang gấp rút chuẩn bị thủ tục thuê tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán để đăng ký với các cơ quan chuyên ngành xin cấp phép xây dựng.

- Một số dự án mới như sản xuất Butanol sinh học, sản xuất Rượu Vodka đang trong giai đoạn nghiên cứu lập dự án khả thi.

- Dự án trồng cây Jatropha tạm đình hoãn lại; Dự án đầu tư Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh một số nhiệm vụ trọng tâm như lập dự án khả thi, phương án nhân sự, kế hoạch chương trình vẫn chưa triển khai cũng phải tạm dừng lại.

- Phương hướng, định hướng đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất, tạo ra ngành nghề mới, sản phẩm mới chậm được triển khai.

Lợi nhuận sau thuế





3. Những tiến độ đã đạt được

Sản xuất kinh doanh giữ mức ổn định, đã đạt được chỉ tiêu **chất lượng và hiệu quả** - chính là nhờ có những chủ trương, định hướng kịp thời, của HĐQT. Chúng ta đã nhìn ra những cái được, cái mất, những tồn tại khuyết điểm và nguyên nhân để tìm ra hướng đi mới và có giải pháp xử lý kịp thời. Năm 2009 đã triển khai được nhiều việc lớn. Đó là:

3.1. Tổ chức triển khai Chương trình làm mới “Cây mía hạt đường Lam Sơn” mà HĐQT đã đề ra.

3.2. Tài chính, vốn đầu tư đã được soát xét tái cấu trúc lại, chuyển một phần vốn sang đầu tư các lĩnh vực mới, ngành nghề mới.

Đã tiến hành củng cố, nâng cao hoạt động SXKD của Công ty CP Cơ giới NN Lam Sơn và Công ty CP Phân bón Lam Sơn, tái cấu trúc lại vốn đảm bảo Lasuco chi phối về vốn, phương hướng hoạt động; Bố trí lại nhân sự quản lý phần vốn tại các Công ty đảm bảo là lực lượng chiến lược cho Lasuco... sau khi được đổi mới các công ty hoạt động có hiệu quả hơn, đã phối hợp tốt với Lasuco đầu tư phát triển vùng mía theo chương trình thâm canh “Làm mới lại cây mía Lam Sơn”.

Đã triển khai tái cấu trúc lại vốn đầu tư tại một số công ty: Thanh lý toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty TNHH SXTM Lam Thành; Đã tiến hành giải toả cổ phiếu của LSS tại Công ty CP Sữa Lam Sơn cho cổ đông.

3.3. Đổi mới bộ máy quản lý nhân sự:

Thực hiện nghị quyết HĐQT trong việc soát xét bộ máy quản lý, xác định lại chức năng - nhiệm vụ từng phòng ban, đơn vị, hình thành thêm một số phòng mới, bổ nhiệm các chức danh quản lý chủ chốt và các phòng ban.

3.4. Công tác bảo vệ môi trường tiếp tục được đầu tư và kiểm soát tốt hơn:

Dự án khảo nghiệm tưới mía bằng phân bón Bảo Nông từ nước thải Cồn đang được triển khai có hiệu quả. Năm 2009 đã đầu tư gần 5 tỷ đồng cho sửa chữa các hồ chứa, lắp đặt bơm, đường ống, tu bổ đường vận chuyển, chuyển giao công nghệ xử lý nước thải - chất thải, nạo vét khơi thông mương thoát nước.





Phần 5

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

<i>Báo cáo của ban tổng giám đốc</i>	27
<i>Báo cáo của kiểm toán viên</i>	28
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	29
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	31
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	32
<i>Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch
Ông Bùi Xuân Sinh	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Chủ	Ủy viên
Ông Lê Văn Tiến	Ủy viên
Ông Phan Văn Ngọc	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Lê Khắc Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Huệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/10/2009)
Ông Đặng Thế Giang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/10/2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác. Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Lê Văn Thanh

Tổng Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 01, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Minh Hùng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		583.900.806.535	368.797.387.225
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	160.157.710.501	30.070.979.170
1. Tiền	111		10.157.710.501	28.870.979.170
2. Các khoản tương đương tiền	112		150.000.000.000	1.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	124.448.582.350	29.807.841.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		162.625.181.038	52.055.385.559
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(38.176.598.688)	(22.247.544.559)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		158.039.638.547	174.463.134.118
1. Phải thu khách hàng	131		41.028.242.873	40.067.430.135
2. Trả trước cho người bán	132		99.160.688.953	117.701.046.487
3. Các khoản phải thu khác	135	7	18.748.046.647	17.396.976.334
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(897.339.926)	(702.318.838)
IV. Hàng tồn kho	140	8	124.490.232.101	118.578.848.641
1. Hàng tồn kho	141		124.490.232.101	118.578.848.641
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.764.643.036	15.876.584.296
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	14.502.676.630	14.174.701.706
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		683.574.119	465.996.081
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	2.632.013
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.578.392.287	1.233.254.496
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		412.870.298.307	498.508.228.021
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.295.266.981	4.542.759.665
1. Phải thu dài hạn khác	218	10	7.295.266.981	4.542.759.665
II. Tài sản cố định	220		196.825.816.964	262.186.999.378
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	192.757.377.966	218.945.441.853
- Nguyên giá	222		1.065.285.505.445	1.062.254.119.126
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(872.528.127.479)	(843.308.677.273)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.801.124.796	41.797.749.482
- Nguyên giá	228		6.437.349.921	46.278.783.869
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.636.225.125)	(4.481.034.387)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	1.267.314.202	1.443.808.043
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		205.385.418.036	227.291.593.134
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	50.471.625.700	42.919.309.657
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	163.202.898.187	243.472.408.530
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(8.289.105.851)	(59.100.125.053)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.363.796.326	4.486.875.844
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	3.363.796.326	4.486.875.844
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		996.771.104.842	867.305.615.246

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		288.514.977.891	276.053.641.954
I. Nợ ngắn hạn	310		264.295.459.435	200.001.339.794
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	83.515.667.627	103.667.129.586
2. Phải trả người bán	312		60.582.872.212	58.794.179.919
3. Người mua trả tiền trước	313		13.650.106.318	939.365.001
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	53.645.380.563	925.536.997
5. Phải trả người lao động	315		9.502.148.245	4.134.229.647
6. Chi phí phải trả	316	19	24.245.585.680	2.737.073.119
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	20	19.153.698.790	28.803.825.525
II. Nợ dài hạn	330		24.219.518.456	76.052.302.160
1. Phải trả dài hạn người bán	331		553.140.000	556.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	333		578.632.133	1.468.464.133
3. Vay và nợ dài hạn	334	21	22.165.643.622	72.920.251.079
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	357.684.538
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		922.102.701	749.902.410
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		700.267.773.868	570.558.624.041
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	671.637.684.491	544.995.909.515
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		114.994.917.000	114.994.917.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(9.703.995.196)	(9.703.995.196)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(280.763.897)	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		111.893.296.513	106.631.439.364
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		19.457.219.895	16.866.355.009
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		177.486.882	340.226.757
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		135.099.523.294	15.866.966.581
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		28.630.089.377	25.562.714.526
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		27.807.209.546	24.118.435.891
2. Nguồn kinh phí	432		84.776.114	513.181.114
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		738.103.717	931.097.521
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		7.988.353.083	20.693.349.251
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		996.771.104.842	867.305.615.246
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				

Chỉ tiêu

Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công

Nợ khó đòi đã xử lý

Ngoại tệ các loại

Đô la Mỹ

38.334,40

Euro EUR - 21,54

Đơn vị tính

VND

VND

31/12/2009

103.742.647.619

548.144.663

USD

31/12/2008

6.276.571.429

327.449.195

78.032,47



Lê Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Lê Thị Huệ
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hà
Người lập biểu

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.099.587.215.179	1.131.771.306.750
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.571.429	2.727.273
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	1.099.578.643.750	1.131.768.579.477
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	872.161.855.003	922.580.773.629
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		227.416.788.747	209.187.805.848
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	40.420.081.826	27.997.985.664
7. Chi phí tài chính	22	27	(15.107.839.702)	98.631.273.049
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.815.760.756	16.328.528.626
8. Chi phí bán hàng	24	28	19.586.392.372	18.379.015.227
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	51.289.417.644	30.202.326.536
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		212.068.900.259	89.973.176.700
11. Thu nhập khác	31		17.493.613.320	5.614.456.337
12. Chi phí khác	32		18.907.196.752	1.568.470.836
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác	40	30	(1.413.583.432)	4.045.985.501
14. Lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		1.326.239.520	(320.936.751)
15. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		211.981.556.347	93.698.225.450
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		49.020.352.789	17.453.256.474
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(357.684.538)	3.323.631.697
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		163.318.888.096	72.921.337.279
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		4.978.196.435	2.755.631.927
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty Mẹ	62		158.340.691.661	70.165.705.352
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	5.534	2.456



Lê Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 3 năm 2010


Lê Thị Huệ
Kế toán trưởng


Đỗ Thị Thanh Hà
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	211.981.556.347	93.698.225.450
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	45.440.367.767	48.055.502.145
Các khoản dự phòng	03	(35.508.957.031)	80.007.404.703
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	218.567.046	(1.430.738.155)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(33.983.310.253)	(26.967.298.726)
Chi phí lãi vay	06	15.815.760.756	16.328.528.626
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	203.963.984.632	209.691.624.043
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	51.448.978.590	(55.506.927.892)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(6.751.648.619)	(20.513.748.641)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(53.747.236.130)	(45.983.251.611)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	795.104.594	(4.403.238.950)
Tiền lãi vay đã trả	13	(16.004.675.928)	(16.543.193.413)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.480.818.918)	(33.948.253.692)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.560.365.213	9.145.718.365
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.655.376.462)	(14.019.768.678)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	176.128.676.972	27.918.959.531
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(47.072.298.060)	(35.927.181.686)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	8.688.793.777	1.171.885.071
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(48.906.870.350)	(23.376.400.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.653.789.093	77.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.678.840.000)	(54.367.550.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	10.218.855.814	25.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.992.281.357	25.939.725.389
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(33.104.288.369)	(8.934.521.226)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(9.703.995.196)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	313.274.305.407	205.037.636.469
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(302.849.205.955)	(223.644.015.943)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.394.895.666)	(93.930.334.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.969.796.214)	(122.240.709.070)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	130.054.592.389	(103.256.270.765)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	30.070.979.170	133.326.022.951
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	32.138.942	1.226.984
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	160.157.710.501	30.070.979.170



Lê Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Lê Thị Huệ
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hà
Người lập biểu

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo MÃ SỐ B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được chuyển đổi từ Công ty Đường Lam Sơn - Doanh nghiệp Nhà nước, thành lập theo Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 ngày 23 tháng 12 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, thay đổi lần thứ 05 ngày 21 tháng 06 năm 2007.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300 tỷ đồng; trong đó Cổ đông pháp nhân là Tổng Công ty Mía đường 1 chiếm 12,14%, còn lại là các cổ đông cá nhân và cổ đông khác.

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn đặt tại Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 25/12/2009, Công ty đã thanh lý toàn bộ khoản đầu tư trong Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lam Thành cho hai đối tác với giá trị thanh lý khoản đầu tư này là 19.125.000.000 đồng, lợi nhuận năm 2009 thuộc về chủ sở hữu mới.

Đến ngày 31/12/2009, Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") bao gồm Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn và hai công ty con. Quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại các công ty con tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại các công ty con. Chi tiết các công ty con và tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ theo đăng ký kinh doanh của các công ty con như sau:

	Quyền kiểm soát của Công ty mẹ(%)	Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ(%)
1. Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	90,98%	90,98%
2. Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	57,69%	57,69%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2008 là 929 người (tại ngày 31/12/2008 là 985 người).

Ngành nghề kinh doanh

- Công nghiệp đường, cồn, nha, nước uống có cồn và không có cồn;
- Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc;
- Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu;
- Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm;
- Chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa, bò thịt, chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Sản xuất kinh doanh CO₂ (Khí, lỏng, rắn);
- Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp;
- Kinh doanh vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hóa bằng tàu hỏa, ô tô và đường thủy nội.
- Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt;
- Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị;
- Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp;

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỤC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC qui định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 sẽ tăng 280.763.897 VND và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2009 sẽ giảm một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo VAS10. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay, với thời hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2009 (số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	4 - 15
Phương tiện vận tải	10 - 30
Thiết bị văn phòng	4 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác của Công ty. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản trả trước dài hạn được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Riêng đối với giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh với thời hạn không quá 2 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Trích lập Quỹ khoa học và phát triển công nghệ

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009, Công ty thực hiện trích lập Quỹ khoa học và phát triển công nghệ với tỷ lệ 10% thu nhập trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp của riêng Công ty Mía đường Lam Sơn và phản ánh số trích lập trên chỉ tiêu "Chi phí phải trả".

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền mặt	709.248.498	1.006.063.143
Tiền gửi ngân hàng	9.448.462.003	27.864.916.027
Các khoản tương đương tiền (*)	150.000.000.000	1.200.000.000
	160.157.710.501	30.070.979.170

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Cổ phiếu (*)	103.718.310.688	35.678.985.559
Trái phiếu, tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	50.000.000.000	15.000.000.000
Cho vay ngắn hạn	8.906.870.350	1.376.400.000
- Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn	-	1.376.400.000
- Công ty Rượu Việt Nam, Thụy Điển	8.906.870.350	-
Đầu tư ngắn hạn	162.625.181.038	52.055.385.559
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	(38.176.598.688)	(22.247.544.559)
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	124.448.582.350	29.807.841.000

(*) Cổ phiếu tăng 68 tỷ đồng trong đó chủ yếu là do chuyển từ chỉ tiêu "Đầu tư tài chính dài hạn" các cổ phiếu của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB), Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (BVH) và khoản đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ Quỹ quản lý doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4).

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Các khoản cho vay:	10.334.581.400	13.437.307.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	2.180.800.000	2.180.800.000
- Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn (*)	8.153.781.400	11.256.507.000
Phải thu cán bộ công nhân viên (tiền vay Ngân hàng Công thương Thanh Hóa)	228.599.612	228.599.612
Dự thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.173.169.508	2.054.490.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.127.095.593	-
Các khoản phải thu khác	884.600.534	1.676.579.722
	18.748.046.647	17.396.976.334

(*) Công ty mẹ và các Công ty con chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn để thực hiện việc mua cổ phiếu của Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn theo thông báo huy động vốn số 02/TB-TCKT/07 ngày 04/10/2007 của Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Hàng mua đang đi đường	10.834.653.802	8.858.948.758
Nguyên liệu, vật liệu	49.936.656.761	39.045.394.997
Công cụ, dụng cụ	990.746.489	518.053.987
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.054.336.468	9.552.938.851
Thành phẩm	41.916.679.677	58.970.239.574
Hàng hoá	757.158.904	1.633.272.474
	124.490.232.101	118.578.848.641
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	124.490.232.101	118.578.848.641

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tại ngày 01 tháng 01	14.174.701.706	9.279.005.491
Tăng trong năm	53.037.842.267	42.269.852.076
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	46.519.600.679	32.538.036.714
Giảm khác	6.190.266.664	4.836.119.147
Tại ngày 31 tháng 12	14.502.676.630	14.174.701.706

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Nông trường Thống Nhất(*)	1.696.500.000	1.696.500.000
Nông trường Sông Âm(*)	1.321.500.000	1.321.500.000
Khác	4.277.266.981	1.524.759.665
	7.295.266.981	4.542.759.665

(*) Đây là khoản tiền Công ty cho các nông trường vay để phục vụ Dự án tưới nước nhỏ giọt.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2009	218.615.705.411	768.262.072.551	53.700.871.061	21.649.662.103	25.808.000	1.062.254.119.126
Mua trong năm	-	13.002.458.603	7.079.750.840	1.044.144.685	-	21.126.354.128
Đầu tư XDCB hoàn thành	7.434.752.666	4.752.922.552	12.169.149.737	-	-	24.356.824.955
Thanh lý	(4.550.000.000)	(15.080.490.618)	(1.675.767.750)	(874.511.724)	-	(22.180.770.092)
Giảm do thanh lý công ty con	(19.368.030.924)	(61.904.762)	(656.088.771)	(125.346.380)	-	(20.211.370.837)
Giảm khác	-	(59.651.835)	-	-	-	(59.651.835)
Tại ngày 31/12/2009	202.132.427.153	770.815.406.491	70.617.915.117	21.693.948.684	25.808.000	1.065.285.505.445
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2009	137.209.787.540	646.260.086.332	43.559.608.793	16.279.194.608	-	843.308.677.273
Khấu hao trong năm	14.550.175.991	25.283.989.692	3.301.190.114	1.998.121.292	-	45.133.477.089
Tăng khác	17.950.800	-	-	-	-	17.950.800
Thanh lý	(608.562.501)	(6.457.018.595)	(1.570.855.771)	(821.243.927)	-	(9.457.680.794)
Giảm do thanh lý công ty con	(5.811.289.053)	(44.708.987)	(525.725.579)	(92.573.270)	-	(6.474.296.889)
Tại ngày 31/12/2009	145.358.062.777	665.042.348.442	44.764.217.557	17.363.498.703	-	872.528.127.479
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2009	56.774.364.376	105.773.058.049	25.853.697.560	4.330.449.981	25.808.000	192.757.377.966
Tại ngày 31/12/2008	81.405.917.871	122.001.986.219	10.141.262.268	5.370.467.495	25.808.000	218.945.441.853

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2009 là 669.694.697.870 đồng (năm 2008 là 643.617.319.317 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định dùng để thế chấp cho các hợp đồng vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa là 682.615.613.788 đồng (năm 2008 là 127.114.127.000 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2009	40.835.023.548	5.443.760.321	46.278.783.869
Tăng trong năm	-	247.711.000	247.711.000
Giảm trong năm	(6.200.000.000)	-	(6.200.000.000)
Thanh lý công ty con	(33.889.144.948)		(33.889.144.948)
Tại ngày 31/12/2009	745.878.600	5.691.471.321	6.437.349.921
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2009	1.935.339.686	2.545.694.701	4.481.034.387
Khấu hao trong kỳ	795.731.280	1.015.942.560	1.811.673.840
Thanh lý, nhượng bán	(270.634.921)	-	(270.634.921)
Giảm do thanh lý công ty con	(2.385.848.181)	-	(2.385.848.181)
Tại ngày 31/12/2009	74.587.864	3.561.637.261	3.636.225.125
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2009	671.290.736	2.129.834.060	2.801.124.796
Tại ngày 31/12/2008	38.899.683.862	2.898.065.620	41.797.749.482

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.267.314.202	1.443.808.043
Trong đó:		
+ Công trình Nhà văn hóa thể thao	759.176.155	552.216.680
+ Văn phòng Lam Sơn Sao Vàng	242.000.000	-
Đăng nghệ Lam Kinh (*)	222.993.683	
+ Các công trình khác	43.144.364	891.591.363
+ Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh (*)		
	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.443.808.043	12.967.812.126
Tăng	24.231.415.657	47.743.176.785
Kết chuyển sang tài sản cố định	23.294.541.966	41.807.824.553
Giảm khác	1.113.367.532	17.459.356.315
Tại ngày 31 tháng	12 1.267.314.202	1.443.808.043

(*) Công ty là cổ đông góp vốn thành lập Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh, trường đã có quyết định thành lập nhưng chưa hoàn tất thủ tục đăng ký pháp nhân do đó công ty tạm thời theo dõi giá trị đầu tư góp vốn trên chỉ tiêu chi phí xây dựng cơ bản.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31/12/2009, như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập	Giá trị khoản đầu tư đến 31/12/2009	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
		VND	%	%	
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	Số 25 A Quang Trung Thanh Hóa	4.710.858.185	34,03	34,03	Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, lữ hành
Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn Thọ Xuân - Thanh Hóa	668.082.081	29,79	29,79	Khai hoang làm đất, làm đường giao thông, sửa chữa ô tô máy kéo
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	253 Trần Phú - Ba Đình - Thanh Hóa	10.823.854.572	28,57	28,57	Kinh doanh dịch vụ, thương mại, khách sạn nhà hàng
Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn Thanh Hóa	Xã Vạn Thắng - Nông Cống -	4.477.254.922	32,03	49,62	Sản xuất giấy Carton duplex các loại, bao bì, in trên bao bì; kinh doanh XNK vật tư, thiết bị nguyên liệu, vật liệu, hóa chất
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	KCN Lễ Môn - TP. Thanh Hóa	20.041.575.940	19,06	25,48	Sản xuất kinh doanh sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác; chăn nuôi bò sữa
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam-Thụy Điển	Cụm Công nghiệp Nam Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	9.750.000.000	32,50	32,50	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu; đóng chai các loại rượu được sản xuất trong nước và nước ngoài
Cộng		50.471.625.700			

(*) Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn là do có được thêm quyền biểu quyết thông qua phần vốn góp của các Công ty con là Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn góp trị giá là 1.633.24 triệu đồng (chiếm 2,04%), Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng góp trị giá là 3,5 tỷ đồng (chiếm 4,38%) vào Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn.

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Đầu tư trái phiếu	500.000.000	500.000.000
Cho vay dài hạn	21.573.178.187	23.850.567.280
1. Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn	7.418.400.000	9.418.400.000
2. Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	7.000.000.000	7.000.000.000
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	6.600.000.000	6.600.000.000
4. Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	554.778.187	832.167.280
Đầu tư dài hạn khác	141.129.720.000	219.121.841.250
1. Công ty Cổ phần địa ốc Sài Gòn Thương Tín (*)	72.000.000.000	78.600.000.000
2. Chứng chỉ Quỹ Đầu tư (VFM-VF4)		30.450.000.000
3. Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Chứng khoán con Hồ VN	30.300.000.000	30.300.000.000
4. Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	23.142.000.000	23.142.000.000
5. Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	-	21.260.000.000
6. Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	-	17.682.070.000
7. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	11.250.000.000	11.250.000.000
8. Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	1.900.000.000	1.900.000.000
9. Trường Lam Kinh	300.000.000	300.000.000
10. Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Lam Sơn	-	-
11. Công ty CP Mía đường Phan Rang	-	942.659.850
12. Công ty CP Mía đường Nước Trong	-	978.200.000
13. Công ty Thực phẩm công nghệ TP HCM	-	1.260.000.000
14. Công ty CP Đường Tuy Hòa	-	347.881.400
15. Công ty CP Đường La Ngà	-	709.030.000
16. Đầu tư dài hạn khác	2.237.720.000	-
Cộng đầu tư dài hạn khác	163.202.898.187	243.472.408.530
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(8.289.105.851)	(59.100.125.053)
Giá trị thuần các khoản Đầu tư dài hạn khác	154.913.792.336	184.372.283.477

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được Công ty trích lập trên cơ sở mức độ tổn thất của vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư chứng khoán con Hồ Việt Nam với số tiền 8.289.105.851 đồng.

(*) Căn cứ vào Biên bản thỏa thuận hợp tác ngày 27/2/2007 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín, Công ty trở thành đối tác chiến lược của Công ty này và có thỏa thuận nắm giữ số cổ phiếu đã mua trong thời gian tối thiểu là 03 năm kể từ ngày chính thức đứng tên sở hữu trên cổ phiếu (đối với Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín). Do đó, Công ty xác định đây là các cổ phiếu không được phép mua bán tự do trên thị trường nên không xem xét trích lập dự phòng giảm giá cho cổ phiếu này.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	4.486.875.844	3.243.509.681
Tăng trong năm	10.531.426.613	3.108.144.340
Kết chuyển vào chi phí trong năm	2.545.277.464	1.561.414.267
Giảm khác	9.109.228.667	303.363.910
Tại ngày 31 tháng 12	3.363.796.326	4.486.875.844

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	44.982.834.055	66.850.000.000
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Thanh Hóa (i)	11.156.538.055	14.800.000.000
- Ngân hàng NN PTNT Việt Nam - CN Lam Sơn (ii)	3.826.296.000	50.000.000
- Ngân hàng TMCP Sacombank- CN Bình Dương	-	52.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sacombank- CN Thanh Hóa (iii)	30.000.000.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	5.205.500.000	1.545.500.000
- Công ty Cao su Thanh Hóa - 40.000.000		
- Vay tổ chức, cá nhân khác (iv, v)	5.205.500.000	1.505.500.000
Vay dài hạn đến hạn trả	33.327.333.572	35.271.629.586
	83.515.667.627	103.667.129.586

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng:

- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam- Chi nhánh Thanh Hóa theo hợp đồng tín dụng số 0961003/HĐTD ngày 02/06/2009 (áp dụng đối với trường hợp cho vay theo phương thức hạn mức), hạn mức cho vay là 20.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là từ 02/06/2009 đến 15/05/2010; lãi suất trong hạn là 10% năm, trong khoảng thời gian từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 31/12/2009, Công ty được Nhà nước hỗ trợ lãi suất là 4% năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Công ty thực hiện trả nợ gốc theo thời hạn ghi tại Giấy nhận nợ mỗi lần vay, lãi vay được trả 3 tháng một lần, vào ngày 15 của tháng cuối quý.
- Khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng NN PTNT- Chi nhánh Lam Sơn theo Hợp đồng tín dụng số 01/09/HĐTD ngày 27 tháng 2 năm 2009. Số dư vay tối đa theo hợp đồng là 8.000.000.000 đồng. Khoản vay này được sử dụng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất được thả nổi theo thị trường và trả lãi định kỳ hàng tháng.
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thanh Hóa theo hợp đồng tín dụng số LD0932200050 ngày 18/11/2009, số tiền cho vay là 30.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay từ ngày 18/11/2009 đến ngày 18/11/2010, lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 0.875%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất được áp dụng theo mức lãi suất do Ngân hàng áp dụng tại thời điểm giải ngân nhưng không thấp hơn lãi suất của lần nhận nợ đầu tiên. Công ty thực hiện trả nợ gốc theo thời hạn ghi tại Giấy nhận nợ mỗi lần vay.

Khoản vay cá nhân và các đối tượng khác:

- Khoản vay Ông Lê Văn Cường theo Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 02/12/2009 để trả tiền vay đến hạn trả Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa vào ngày 02/12/2009. Số tiền vay của hợp đồng là 4.200.000.000 đồng, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày 02/12/2009. Lãi suất vay vốn là 12%/năm, tiền lãi được trả trên số ngày vay vốn.
- Khoản nhận gửi tiết kiệm của Công đoàn Công ty Mía đường Lam Sơn theo 2 kế ước nhận nợ ngày 1/12/2008 và 31/12/2008. Thời hạn nhận gửi tiết kiệm là 36 tháng, lãi suất là 1,12%/tháng. Dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2009 là 1.000.000.000 đồng. Khoản vay của cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn với số dư tại ngày 31/12/2009 là 5.500.000 đồng.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.162.651.777	1.473.645.021
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	21.789.695	23.273.000
Thuế xuất nhập khẩu	30.054.752	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.414.320.015	(783.707.156)
Thuế thu nhập cá nhân	11.103.924	125.899.539
Thuế TNDN nộp cho nhà thầu nước ngoài	-	42.105.263
Các loại thuế khác	5.460.400	44.321.330
	53.645.380.563	925.536.997

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Chi phí lãi vay phải trả	308.882.547	434.299.386
Cước vận chuyển	697.182.133	454.553.102
Chi phí khuyến mại	112.289.520	-
Chi phí thuê kho, thuê đất	56.436.554	51.867.484
Tiền mua mía và các chi phí liên quan	525.125.397	635.585.486
Tiền điện, nước, điện thoại phải trả	144.387.270	314.659.990
Chi phí sửa chữa đường giao thông	-	102.000.000
Chi phí dịch vụ tư vấn, kiểm toán	498.933.000	350.700.000
Quỹ phát triển khoa học công nghệ (*)	21.760.640.793	-
Các khoản khác	141.708.466	393.407.671
	24.245.585.680	2.737.073.119

(*) Trong năm 2009, Công ty thực hiện trích lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ với tỷ lệ 10% trên lợi nhuận trước thuế năm 2009 với số tiền là 23.255.641.097 đồng.

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Bảo hiểm xã hội	754.396.116	707.392.753
Kinh phí công đoàn	484.361.387	333.482.738
Cổ tức phải trả	472.680.334	6.473.426.735
Bảo hiểm xã hội trợ cấp cho người lao động	152.383.867	120.990.000
Quỹ của công nhân viên góp từ lương	15.357.969.073	18.318.490.255
Phải trả khác	1.931.908.013	2.850.043.044
	19.153.698.790	28.803.825.525

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vay dài hạn ngân hàng	54.048.911.513	106.852.441.395
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Thanh Hóa	-	3.527.708.900
- Ngân hàng NN&PT NT Việt Nam - CN Thanh Hóa	-	1.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Sacombank- CN Thanh Hóa	8.000.000.000	-
- Ngân hàng Phát triển -Chi nhánh Thanh Hóa	44.200.986.513	75.001.807.495
- Ngân hàng TMCP Sacombank- CN Bình Dương	-	25.175.000.000
- Kho bạc nhà nước Thanh Hóa	1.847.925.000	1.847.925.000
Vay tổ chức và cá nhân khác	1.444.065.681	1.339.439.270
Cộng	55.492.977.194	108.191.880.665
Các khoản nợ dài hạn khác được hoàn trả theo lịch biểu sau:		
	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Trong vòng một năm	33.327.333.572	35.271.629.586
Trong năm thứ hai	14.873.652.941	34.979.543.340
Từ năm thứ ba trở đi	7.291.990.681	37.940.707.739
	55.492.977.194	108.191.880.665
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	33.327.333.572	35.271.629.586
Số phải trả sau 12 tháng	22.165.643.622	72.920.251.079

Vay dài hạn tại thời điểm 31/12/2009 bao gồm những khoản vay sau:

- i. Theo hợp đồng tín dụng số LD0935500073 và số LD0933100079g của Công ty với Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thanh Hóa, số tiền cho vay lần lượt là 6.500.000.000 đồng và 1.500.000.000 đồng. Thời hạn vay là 48 tháng; lãi suất tháng đầu tiên là 1%, từ tháng thứ 2 trở đi lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ của NH + Biên độ cố định 0.55%/ tháng. Công ty thực hiện trả nợ gốc theo thời hạn ghi tại Giấy nhận nợ mỗi lần vay, lấy vay được trả vào ngày 26 của mỗi tháng.
- ii. Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Thanh Hóa để đầu tư cho 3 dự án của Nhà máy Cồn, Nhà máy Sữa và Phân xưởng Đường II. Chi tiết bao gồm:
 - a. Khoản vay Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Thanh Hóa theo hợp đồng vay vốn đầu tư phát triển số 01/2003/HĐTD ngày 07/03/2003 với số tiền cho vay tối đa là 120.000.000.000 đồng. Đồng tiền sử dụng trong quan hệ tín dụng là đồng Việt Nam (VND). Mục đích sử dụng của khoản vay là để đầu tư xây dựng nhà máy chế biến cồn thực phẩm xuất khẩu. Thời hạn vay là kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên đến khi hoàn trả hết nợ vay. Thời hạn trả nợ gốc là 84 tháng, bắt đầu trả nợ gốc từ Quý IV năm 2004. Lãi suất trong hạn là 5,4%/năm, lãi vay trả hàng tháng từ khi phát sinh số dư nợ vay thực tế, lãi vay quá hạn là 130% lãi suất nợ thu trong hạn. Tài sản đảm bảo nợ vay là tài sản hình thành bằng vốn vay. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2009 là 31.200.737.556 đồng.
 - b. Khoản vay Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Thanh Hóa theo Hợp đồng vay vốn đầu tư phát triển số 06/2003/HĐTD ngày 15/12/2003 với số tiền cho vay tối đa là 60.000.000.000 đồng. Đồng tiền sử dụng trong quan hệ tín dụng là đồng Việt Nam (VND). Mục đích sử dụng của khoản vay là để đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sữa Thanh Hóa. Thời hạn vay kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên đến khi hoàn trả hết nợ vay. Thời hạn trả nợ gốc là 84 tháng, bắt đầu trả nợ gốc từ Quý IV năm 2004. Lãi suất trong hạn là 5,4%/năm, lãi vay trả hàng tháng từ khi phát sinh số dư nợ vay thực tế, lãi vay quá hạn là 130%
 - c. lãi suất nợ thu trong hạn. Tài sản đảm bảo nợ vay là tài sản hình thành bằng vốn vay. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2009 là 9.441.646.813 đồng.
 - d. Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp đồng vay vốn tín dụng ODA số 01/HĐ ngày 30/12/1996. Tổng số vốn vay theo hợp đồng là 102.000.000 IRN (đồng Rupi Ấn Độ). Thời hạn vay là 15 năm, ngày bắt đầu trả nợ gốc là 01/03/2000, sau đó cứ 6 tháng trả nợ gốc 1 lần vào ngày 01/03 và 01/09 hàng năm. Lãi suất cho vay là 5.2%/năm trên số dư vay. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2009 là 9.272.720 Rupi, quy đổi theo tỷ giá chéo của đồng Việt Nam so với đồng rupi là 3.559.333.572 Việt Nam đồng.
- iii. Khoản vay Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa theo chương trình 327 và dự án 773 của Nông trường Sao Vàng Thanh Hóa bàn giao sang. Khoản vay này không tính lãi.
- iv. Khoản vay cá nhân trong Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn để đầu tư mua xe Ben phục vụ vận chuyển bùn, tro lò theo lãi suất 1%/tháng trong thời gian 96 tháng tính từ 20/10/2007.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1/1/2008	300.000.000.000	114.994.917.000	-	-	97.103.165.531	12.663.506.714	86.868.460	70.807.587.124
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	72.921.337.279
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	8.424.685.180	4.211.299.920	132.509.743	(21.189.532.948)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(105.805.364.235)
Thuế TNDN được ưu đãi	-	-	-	-	1.325.367.696	-	-	-
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	(2.755.631.927)
Điều chỉnh khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	(221.779.043)	(8.451.625)	120.848.554	1.905.699.252
Các khoản khác	-	-	(9.703.995.196)	-	-	-	-	(17.127.964)
Số dư tại ngày 1/1/2009	300.000.000.000	114.994.917.000	(9.703.995.196)	-	106.631.439.364	16.866.355.009	340.226.757	15.866.966.581
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	163.318.888.096
Trích lập các quỹ (a)	-	-	-	-	5.608.556.614	2.804.278.307	-	(14.021.391.535)
Chia cổ tức trong kỳ (b)	-	-	-	-	-	-	-	(23.867.576.000)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	(4.978.196.435)
Điều chỉnh khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	60.121.518	5.964.782	56.638.328	750.751.415
Loại trừ thanh lý công ty con	-	-	-	-	(438.756.405)	(219.378.203)	(219.378.203)	(2.123.918.130)
Các khoản khác	-	-	-	(280.763.897)	31.935.422	-	-	153.999.302
Số dư tại ngày 31/12/2009	300.000.000.000	114.994.917.000	(9.703.995.196)	(280.763.897)	111.893.296.513	19.457.219.895	177.486.882	135.099.523.294

Thuế TNDN được ưu đãi miễn, giảm (từ năm 2001 đến năm 2009) của Công ty khoảng 49 tỷ đồng không được dùng để chia lãi cho các cổ đông mà được phân ánh toàn bộ trong sổ dư "Quỹ Đầu tư phát triển".

(a) Theo Nghị quyết số 143/2009/ĐDLĐ-HĐPCĐ ngày 17/04/2009, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2009 đã thống nhất trích lập các quỹ (theo điều lệ) từ lợi nhuận năm 2008 với số tiền là 14.021.391.535 đồng.

(b) Theo Nghị quyết số 356 NQ/ĐLĐ-HĐQT ngày 27/7/2009 của Hội đồng Quản trị quý II năm 2009, Hội đồng Quản trị thống nhất tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2009 bằng tiền mặt theo mức 8%/vốn cổ phần tương đương với số tiền là 23.607.576.000 đồng.

23. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Nguồn vốn kinh doanh	4.003.406.114	16.253.406.114
Quỹ đầu tư phát triển	1.120.321.634	1.518.450.382
Quỹ dự phòng tài chính	316.370.854	527.145.990
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	210.775.136
Lợi nhuận chưa phân phối	2.548.254.481	2.183.571.629
	7.988.353.083	20.693.349.251

24. DOANH THU THUẦN

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.099.587.215.179	1.131.771.306.750
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	225.529.457.483	146.919.287.152
Doanh thu bán thành phẩm	856.923.038.805	965.876.392.357
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.134.718.891	18.975.627.241
Các khoản giảm trừ	8.571.429	2.727.273
- Giảm giá hàng bán	8.571.429	2.727.273
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.099.578.643.750	1.131.768.579.477

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	210.283.943.240	216.215.836.082
Giá vốn của thành phẩm đã bán	645.456.624.380	691.975.360.857
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.421.287.383	14.389.576.690
	872.161.855.003	922.580.773.629

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi	16.068.277.955	11.095.729.956
Lãi tiền cho vay	3.247.498.090	8.222.013.150
Lãi trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	172.000.000	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.240.411.772	6.294.212.683
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	104.807.844	1.430.738.155
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	125.552.738	58.628.862
Lãi thanh lý công ty con	3.843.855.814	-
Lãi bán hàng trả chậm	4.922.095.241	462.696.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.695.582.372	433.966.858
	40.420.081.826	27.997.985.664

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lãi tiền vay	15.815.760.756	16.328.528.626
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	42.610.993	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.081.254.551	386.446.306
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	1.980.251.877	1.750.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (hoàn nhập)	(35.028.517.879)	79.729.759.183
Chi phí tài chính khác	800.000	436.538.934
	(15.107.839.702)	98.631.273.049

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.872.315.597	5.951.797.753
Chi phí vật liệu, bao bì	130.623.365	113.913.666
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	105.411.142	441.152.742
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.327.422.346	1.032.736.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.309.274.200	9.456.426.189
Chi phí bằng tiền khác	1.841.345.722	1.382.987.952
	19.586.392.372	18.379.015.227

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.305.082.234	11.588.576.429
Chi phí vật liệu quản lý	145.918.135	548.937.179
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.181.340.947	921.080.709
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.957.514.833	5.800.003.821
Thuế, phí và lệ phí	843.611.686	828.850.199
Chi phí dự phòng	1.069.188.434	1.189.071.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.861.798.861	6.157.688.308
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	21.884.660.793	-
Chi phí bằng tiền khác	4.040.301.722	3.168.118.639
	51.289.417.644	30.202.326.536

30. (LỖ) /LỢI NHUẬN/ KHÁC

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	13.742.376.228	1.038.775.980
Thu từ bán vật tư, phế liệu	1.056.466.364	-
Các khoản thu nhập khác	2.694.770.728	4.575.680.357
Cộng thu nhập khác	17.493.613.320	5.614.456.337
Chi phí liên quan đến thanh lý tài sản cố định	18.660.454.377	458.144.157
Thuế bị phạt bị truy thu	-	35.355.138
Các khoản chi phí khác	246.742.375	1.074.971.541
Cộng chi phí khác	18.907.196.752	1.568.470.836
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	(1.413.583.432)	4.045.985.501

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	163.318.888.096	72.921.337.279
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	163.318.888.096	72.921.337.279
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	29.509.470	29.689.303
Lãi trên cổ phiếu	5.534	2.456

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

GIAO DỊCH BÁN	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	94.119.809.524	12.651.000.000
Bán đường và cồn các loại	94.119.809.524	12.651.000.000
Công ty cổ phần sữa Lam Sơn	-	333.466.000
Bán đường, sữa, mật rỉ và thức ăn chăn nuôi		333.466.000

GIAO DỊCH MUA	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	420.000.000	1.181.378.055
Làm đường giao thông vùng mía		752.248.055
Chi phí ủi bãi	420.000.000	429.130.000
Công ty cổ phần sữa Lam Sơn	254.689.004	333.466.000
Mua sữa	254.689.004	333.466.000
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	8.153.781.400	9.018.787.000
Số dư cho vay ngắn hạn	8.153.781.400	9.018.787.000

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Số dư phải thu		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	976.830.573	992.750.000
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	8.153.781.400	9.018.787.000
Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	-	25.200.000
Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn	805.496.962	1.376.400

Số dư phải trả	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	3.425.813.129	-
Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	-	4.255.055
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	294.000.000	-

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 26/6/2009 tại Thành phố Vũng Tàu, Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn (LASUCO) đã ký thoả thuận hợp tác với Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil), Công ty cổ phần “Zarubezhnef” thuộc tập đoàn dầu khí của Nga và Tổng Công ty công nghệ sinh học của Nga (KBT) thành lập “Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học Việt Nam - viết tắt là VBC”. Theo thoả thuận hợp tác Công ty CP Mía đường Lam Sơn góp vốn 30%, tuy nhiên chưa có quyết định về tổng vốn đầu tư của dự án và đến thời điểm 31/12/2009 Công ty chưa tiến hành góp vốn.

34. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRONG KỲ CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2008
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	41,42	57,48
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	58,58	42,52
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	28,94	31,83
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	67,38	62,84
- Lợi ích cổ đông thiểu số/ Tổng nguồn vốn	%	1,19	3,80
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3,45	3,14
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	2,21	1,84
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,08	0,30
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	19,28	8,28
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	14,85	6,44
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	21,27	10,80
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	16,38	8,41
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	24,32	13,38

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán.



Phần 6

Báo cáo tài chính riêng của Lasuco

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Minh Hùng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		517.108.808.636	278.185.622.557
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	153.714.090.879	21.442.528.973
1. Tiền	111		5.714.090.879	21.442.528.973
2. Các khoản tương đương tiền	112		148.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	134.448.582.350	42.107.841.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		172.625.181.038	64.355.385.559
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(38.176.598.688)	(22.247.544.559)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		139.884.304.150	106.242.884.803
1. Phải thu khách hàng	131		21.390.124.820	25.897.132.853
2. Trả trước cho người bán	132		98.655.042.690	60.943.693.011
3. Các khoản phải thu khác	135	7	19.945.535.973	19.690.175.756
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(106.399.333)	(288.116.817)
IV. Hàng tồn kho	140	8	73.054.459.157	93.174.002.479
1. Hàng tồn kho	141		73.054.459.157	93.174.002.479
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.007.372.100	15.218.365.302
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	14.432.579.813	13.993.323.806
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.574.792.287	1.225.041.496
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		393.983.675.928	451.175.206.173
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.369.627.502	5.222.623.691
1. Phải thu dài hạn khác	218	10	13.369.627.502	5.222.623.691
II. Tài sản cố định	220		160.622.158.552	197.688.508.151
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	156.800.355.918	187.231.656.775
- Nguyên giá	222		1.001.200.083.376	1.002.185.317.884
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(844.399.727.458)	(814.953.661.109)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	2.801.124.796	9.659.031.241
- Nguyên giá	228		6.437.349.921	12.389.638.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.636.225.125)	(2.730.607.680)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.020.677.838	797.820.135
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		216.628.093.548	243.887.740.831
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	21.196.593.886	33.946.593.886
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	15	43.676.310.000	36.997.470.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	160.965.178.187	232.634.637.280
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(9.209.988.525)	(59.690.960.335)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.363.796.326	4.376.333.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	3.363.796.326	4.376.333.500
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		911.092.484.564	729.360.828.730

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		219.040.814.166	164.904.109.588
I. Nợ ngắn hạn	310		205.207.972.859	119.635.011.106
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	32.332.833.572	32.569.212.986
2. Phải trả người bán	312		57.904.529.305	52.980.818.492
3. Người mua trả tiền trước	313		13.649.184.998	681.680.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	53.399.318.548	418.194.226
5. Phải trả người lao động	315		8.099.342.929	3.652.643.316
6. Chi phí phải trả	316	20	22.787.896.706	2.309.565.177
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	21	17.034.866.801	27.022.896.909
II. Nợ dài hạn	330		13.832.841.307	45.269.098.482
1. Phải trả dài hạn khác	333		578.632.133	578.632.133
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	12.873.652.941	43.938.094.509
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	357.684.538
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		380.556.233	394.687.302
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		692.051.670.398	564.456.719.142
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	664.176.971.638	540.178.592.656
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		114.994.917.000	114.994.917.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(9.703.995.196)	(9.703.995.196)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(280.763.897)	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		109.878.776.561	104.270.219.947
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		18.947.903.889	16.143.625.582
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		130.340.133.281	14.473.825.323
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		27.874.698.760	24.278.126.486
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		27.051.818.929	22.833.847.851
2. Nguồn kinh phí	432		84.776.114	513.181.114
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		738.103.717	931.097.521
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		911.092.484.564	729.360.828.730

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Tính	31/12/2009	31/12/2008
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND	103.742.647.619	6.276.571.429
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	548.144.663	327.449.195
Ngoại tệ các loại:			
Đô la Mỹ	USD	78.032,47	38.334,40
Euro	EUR	-	21,54

Người lập biểu

Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng

Lê Thị Huệ

Lập ngày 20 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		795.394.767.312	888.089.758.891
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	795.394.767.312	888.089.758.891
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	587.527.295.157	712.449.960.773
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		207.867.472.155	175.639.798.118
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	33.126.969.521	21.885.890.963
7. Chi phí tài chính	22	27	(23.288.492.190)	87.796.901.615
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.143.708.070	5.297.921.911
8. Chi phí bán hàng	24	28	15.255.653.316	14.872.651.766
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	45.493.207.297	25.386.857.775
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		203.534.073.253	69.469.277.925
11. Thu nhập khác	31		17.460.461.332	5.504.134.771
12. Chi phí khác	32		18.903.529.270	1.493.564.563
13. Lợi nhuận(lỗ) khác	40	30	(1.443.067.938)	4.010.570.208
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		202.091.005.315	73.479.848.133
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	47.786.123.676	16.687.583.449
16.(Thu nhập) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(357.684.538)	706.698.542
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		154.662.566.177	56.085.566.142

Người lập biểu



Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 20 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc




Lê Văn Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

Năm 2008

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	202.091.005.315	73.479.848.133
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	39.688.634.893	41.732.557.637
Các khoản dự phòng	03	(34.719.504.096)	80.189.933.962
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	218.567.046	(1.430.738.155)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(26.000.058.521)	(20.465.445.796)
Chi phí lãi vay	06	7.143.708.070	5.297.921.911
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	188.422.352.707	178.804.077.692
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(25.190.248.681)	22.194.663.828
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	20.119.543.322	(31.939.418.524)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	45.379.691.858	(43.218.670.956)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(5.474.284.869)	(6.624.256.345)
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.237.783.573)	(5.561.425.296)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.449.650.142)	(33.111.769.738)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.498.465.020	9.271.709.830
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.258.146.536)	(18.713.235.459)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	212.809.939.106	71.101.675.032
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(32.319.745.505)	(40.252.283.263)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	8.688.793.777	6.156.685.071
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(116.251.870.350)	(54.936.400.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	93.081.458.464	97.877.389.093
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.678.840.000)	(32.607.550.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9.562.500.000	(1.750.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.510.262.552	14.825.591.213
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.407.441.062)	(10.686.567.886)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

Năm 2008

CHỈ TIÊU

Mã số

Năm 2009

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành

32

(9.703.995.196)

2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được

33

191.726.466.670

19.147.636.469

3. Tiền chi trả nợ gốc vay

34

(223.290.911.084)

(50.831.398.575)

4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu

36

(28.598.630.666)

(97.785.814.400)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính

40

(60.163.075.080)

(139.173.571.702)

Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)

50

132.239.422.964

(78.758.464.556)

Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm

60

21.442.528.973

100.199.766.545

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ

61

32.138.942

1.226.984

Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm

70

153.714.090.879

21.442.528.973

Người lập biểu

Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng

Lê Thị Huệ

Lập ngày 20 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh

Phần 7

Các công ty con và công ty có liên quan



Trong năm 2009 Công ty đã thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Lam Thành. Giá vốn đầu tư là 12.750.000.000 đồng, giá trị thanh lý là 19.125.000.000 đồng.

Đến ngày 31/12/2010 Lasuco có 02 Công ty con là Công ty Cổ phần Phân Bón Lam Sơn và Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng. Quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại các Công ty con tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ tại các Công ty con.

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên Công ty	Vốn điều lệ Công ty con	Vốn đầu tư của Lasuco	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty CP phân bón Lam Sơn	5.200	3.000	57,70
2	Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng	20.000	18.197	90,98

Hoạt động chính của Công ty là trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh các loại cây, con giống, sản xuất và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng, khai thác đất sét để sản xuất gạch ngói.

Trụ sở Công ty: Thị Trấn Sao Vàng Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hoá

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 là 20 tỷ đồng

Doanh thu thuần năm 2009 đạt 48,57 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế đạt 1,2 tỷ đồng

1. Tóm tắt tình hình hoạt động của Công ty CP Phân Bón Lam Sơn

Công ty cổ phần phân bón Lam Sơn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2603000123 đăng ký lần đầu ngày 23/12/2003, thay đổi lần thứ hai ngày 12/04/2006 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp với số vốn điều lệ là 5,2 tỷ đồng. Trong đó vốn góp của Lasuco là 3 tỷ đồng.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá, kinh doanh xuất nhập khẩu phân bón các loại.

Trụ sở Công ty: Thị Trấn Sao Vàng - Thọ Xuân – Thanh Hoá

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2008 là 5,2 tỷ đồng

Doanh thu thuần năm 2009 đạt 73,9 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế đạt 5,76 tỷ đồng

2. Tóm tắt tình hình hoạt động của Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng

Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng là Công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2602000693 đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003, thay đổi lần thứ ba ngày 01/06/2006 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp vốn điều lệ là 20 tỷ đồng. Trong đó vốn góp của Lasuco là 18.196.593.886 đồng

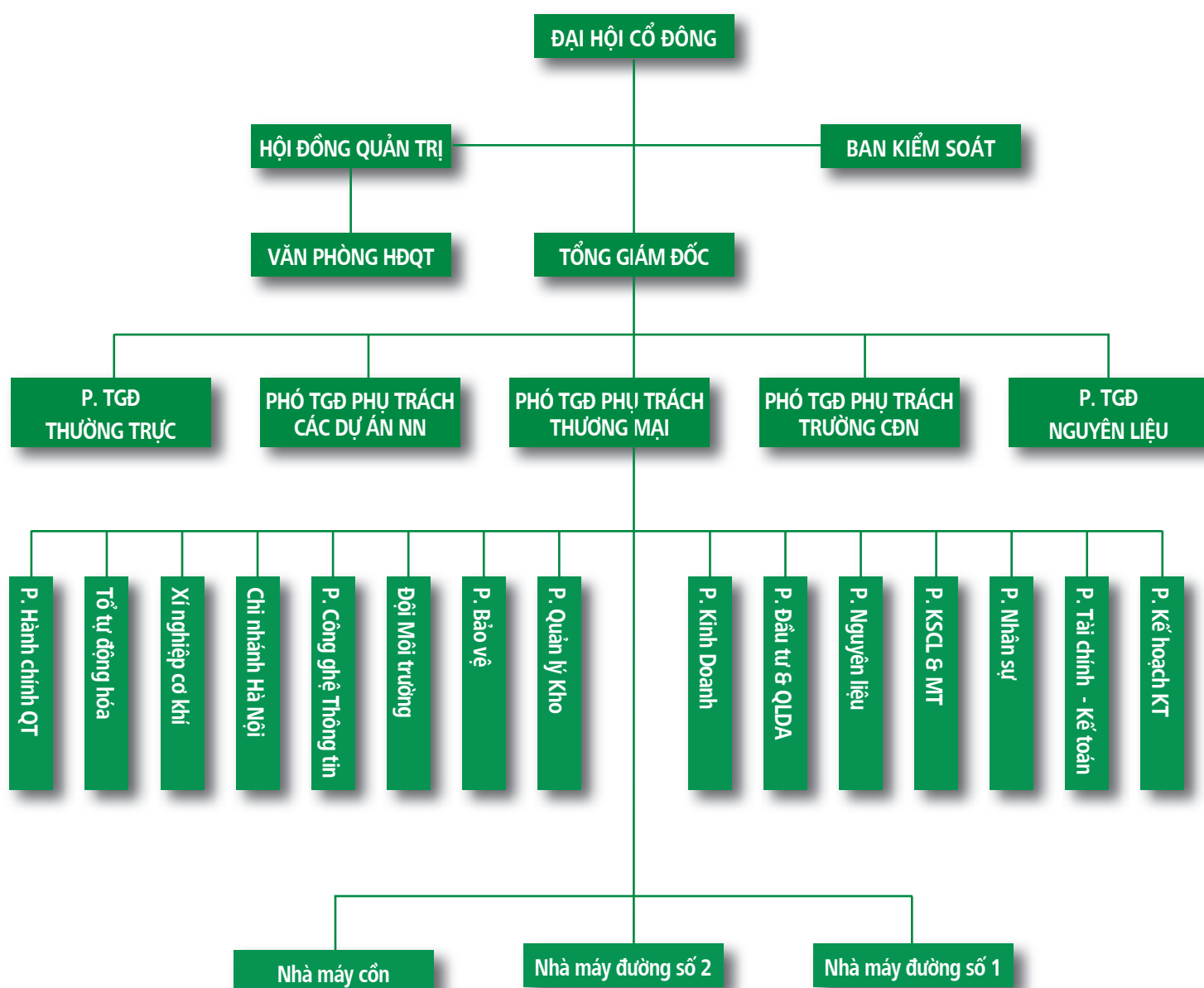


A pair of hands is shown from the wrists down, cupping a mound of dark, rich soil. A small, young green plant with two leaves is growing out of the center of the soil mound. The background is a vast expanse of the same dark soil, creating a sense of depth and connection to the earth.

Phần 8

Sơ đồ tổ chức bộ máy - Tình hình nhân sự

Sơ đồ tổ chức bộ máy





2. Số lượng cán bộ nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Tính đến 31/12/2009 số lượng CBCNV của LASUCO là 929 lao động, giảm 56 lao động so với 31/12/2008

- Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty thuộc loại cao so với các doanh nghiệp trong vùng và trong ngành. Cụ thể:

Năm 2006: 2.900.000
đồng/người/tháng

Năm 2007: 3.250.000
đồng/người/tháng

Năm 2008: 3.675.000
đồng/người/tháng

Năm 2009: 4.645.000
đồng/người/tháng

Thu nhập bình quân của CBCNV hàng năm được tăng lên rõ rệt (bình quân 12% năm), đáp ứng yêu cầu tái sản xuất, người lao động luôn yên tâm, gắn bó với Công ty. Thu nhập năm 2009 gấp hơn 02 lần so với thu nhập các doanh khác trong tỉnh và tăng 26,4% so với năm 2008.

- LASUCO luôn coi trọng việc quản lý và sử dụng nguồn nhân lực. Trong đó con người là nhân tố quan trọng quyết định đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vì vậy chiến lược nguồn nhân lực của LASUCO

là chăm lo đào tạo và phát triển con người về mọi mặt. Luôn quan tâm đến chính sách đãi ngộ và đào tạo phù hợp, khuyến khích sự phấn đấu, đóng góp của nhân viên vào sự phát triển chung của Công ty

- Chất lượng đội ngũ CBCNV ngày càng được nâng cao thông qua việc đào tạo, tổ chức đánh giá lại bộ máy quản trị nhân sự.

- Năm 2009 Lasuco đã hợp đồng với Công ty Cổ phần tư vấn giáo dục Việt nam (EDUVIET) thực hiện dự án tái cấu trúc và hoàn thiện hệ thống quản lý nhân sự. Qua đó đã xây dựng được chính sách đãi ngộ đối với CBCNV.

Trả lương cao và kết cấu thu nhập gắn với thành tích cuối (chú trọng tổng thu nhập năm) với lao động khan hiếm, quan trọng (cán bộ quản lý, kỹ sư, thợ có tay nghề cao và nhân viên giỏi). Gắn nhân sự có năng lực, có thành tích và có tâm huyết với Công ty, gắn chế độ đãi ngộ với lộ trình phát triển nhân sự. Chú trọng đãi ngộ qua phúc lợi, môi trường và các điều kiện nâng cao chất lượng sống của CBCNV.

- Chuẩn hóa chức danh, hoàn thiện hệ thống mô tả công việc và tiêu chuẩn công việc chuẩn cho các chức danh. Chuẩn hóa quy trình đánh giá CBCNV trong đó chú trọng các tiêu chuẩn đánh giá.

3. Những thay đổi về nhân sự chủ chốt

Ngày 21/10/2009 Công ty đã bổ nhiệm 02 Phó Tổng Giám Đốc

- Ông Lê Thanh Tùng sinh ngày 04/10/1959 — Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

- Ông Đặng Thế Giang sinh ngày 28/03/1965 — Phó Tổng giám đốc Nguyên Liệu





Phần 9

Thông tin về cổ đông và quản trị công ty

1. Thay đổi thành viên Ban kiểm soát

Tháng 9/2009, do yêu cầu của công tác nhân sự ông Lê Hùng Lâm, đã có đơn từ chức thành viên BKS, đồng thời nhận nhiệm vụ mới. Nhân sự BKS hiện tại gồm 04 người bao gồm 03 thành viên chuyên trách và 01 thành viên không chuyên trách

2. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát

Mức thù lao cho Hội đồng quản trị và ban kiểm soát được Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 thông qua với mức chi như sau:

TT	Nội dung	Số lượng thành viên	Số tiền thù lao
1	Tổng thù lao HĐQT	5	372.000.000
2	Tổng thù lao cho BKS	5	156.000.000
	Tổng cộng		528.000.000

Tổng thù lao cho HĐQT và BKS năm 2009 đã chi là 528 triệu đồng

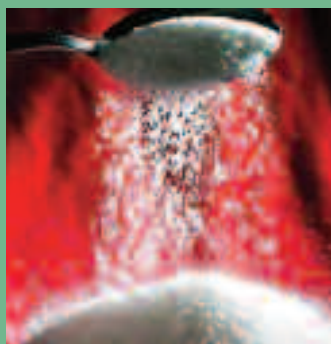
3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT

Kể từ ngày cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch (09/01/2008) đến ngày đăng ký cuối cùng 15/03/2010 (thực hiện quyền dự đại hội cổ đông thường niên năm 2010) có sự thay đổi về tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Số lượng cổ phần tại thời điểm 09/01/2008: 133.640 cổ phần chiếm 0,445% vốn điều lệ của Công ty. Số lượng cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng (15/03/2010) dự đại hội cổ đông thường niên năm 2010 là 343.590 cổ phần tăng 209.950 cổ phần.

4. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2009

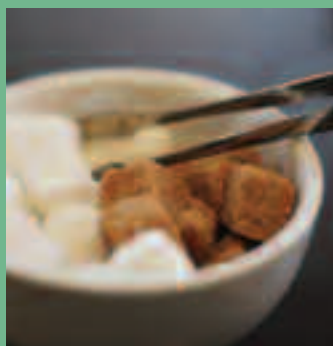
Năm 2009 Hội đồng Quản trị đã thực hiện họp đúng quy định 3 tháng 1 lần, ngoài 4 cuộc họp thường kỳ để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý trước, xác định nhiệm vụ và giải pháp thực hiện quý sau, Thường trực HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp giao ban hàng tuần để quyết định, thông báo các chủ trương, nhiệm vụ giải pháp để chỉ đạo cụ thể.



Các cuộc họp chính yếu của HĐQT năm 2009

Trong năm 2009, HĐQT của LASUCO đã tiến hành họp như sau:

Phiên họp	Số thành viên tham dự	Nội dung
Phiên 1 15/04/2009	05 thành viên HĐQT Trưởng ban BKS	- Xem xét tình hình hoạt động quý I/2009 - Phương hướng nhiệm vụ quý II/2009 - Kế hoạch và nội dung chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010.
Phiên 2 27/07/2009	05 thành viên HĐQT Trưởng ban BKS	- Xem xét tình hình hoạt động quý II/2009 - Phương hướng nhiệm vụ quý III/2009 - Xem xét tình hình đầu tư tài chính ra ngoài Công ty đến 30/06/2009 - Tờ trình điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009; Tờ trình tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2009 - Nghe báo cáo công tác kiểm soát tình hình thực hiện nhiệm vụ 06 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ quý III/2009.
Phiên 3 19/10/2009	05 thành viên HĐQT Trưởng ban BKS và các thành viên BKS	- Xem xét tình hình hoạt động 9 tháng đầu năm 2009, xem xét kế hoạch đầu tư năm 2009. - Xem xét kế hoạch của Công ty năm 2010 - Báo cáo quyết toán tài chính 9 tháng đầu năm 2009. - Xem xét tình hình đầu tư tài chính ra ngoài Công ty đến 30/9/2009 - Nghe báo cáo công tác kiểm soát tình hình thực hiện nhiệm vụ 9 tháng 2009, nhiệm vụ còn lại năm 2009 của Ban kiểm soát
Phiên 4 06/02/2010	05 thành viên HĐQT Trưởng ban BKS và các thành viên	- Xem xét kết quả hoạt động quý IV/2009 và cả năm 2009. - Xem xét tình hình đầu tư tài chính ra ngoài Công ty đến 31/12/2009. - Phương hướng tổ chức thực hiện kế hoạch quý I/2010. - Nghe báo cáo công tác kiểm soát tình hình thực hiện nhiệm vụ quý IV/2009, cả năm 2009. Kế hoạch, chủ trương quý I/2010 và cả năm 2010 của Ban kiểm soát



5. Thông tin về cổ đông

- *Cơ cấu cổ đông:* Tại thời điểm 15/03/2010 theo danh sách chốt sổ cổ đông để đại hội cổ đông thường niên năm 2010

Cổ đông	SL cổ đông	SL cổ phần	Tỷ lệ (%)
Vốn Nhà nước	1	3.642.490	12,14
Pháp nhân trong nước	24	8.230.020	27,44
Cá nhân trong nước	1.948	14.781.900	49,27
Pháp nhân nước ngoài	14	2.796.110	9,32
Cá nhân nước ngoài	46	58.950	0,20
Cổ phiếu quỹ	1	490.530	1,63
Cộng	2.034	30.000.000	100

- *Danh sách các cổ đông lớn*

Red river holding	11A Tu Xuong street, Ward 7, Dist.3, Ho Chi Minh City, s.r of Vietnam	1.748.630	5,83
Tổng công ty mía đường I	17 Mạc Thị Bưởi - HN	3.642.490	12,14
Công ty CP chứng khoán NH Sài Gòn Thương Tín	278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa quận 3 TPHCM	1.882.730	6,28
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Thọ Xuân - Thanh Hóa	2.576.500	8,59
Nhóm công ty CP quản lý quỹ Việt Nam (vf1+vf2)		1.595.260	5,32
Cộng		11.445.610	38,16

Trong năm 2009 LSS được đánh giá là một trong số những cổ phiếu tăng trưởng ấn tượng.

Tính đến thời điểm 31/12/2009 mã cổ phiếu LSS đã niêm yết được gần 02 năm. Trong giai đoạn từ tháng 06/2009 LSS có tốc độ tăng giá vượt trội so với tốc độ tăng giá của VN Index. Diễn biến giá của LSS trong năm 2009 cho thấy cổ phiếu LSS nhận được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư kể cả trong giai đoạn thị trường chứng khoán đang trên đà giảm điểm



Phần 10

Các giải thưởng nổi bật



Trong năm 2009 Công ty đã được nhận nhiều giải thưởng:

1. **Giải thưởng cúp vàng Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam lần thứ nhất** do Bộ Công thương, Bộ Lao động, thương binh, xã hội, Bộ Y tế, Đài tiếng nói Việt nam trao tặng.
2. **Cúp Vàng Thương hiệu Việt** do Bộ Khoa học công nghệ, Bộ Công thương, Hội liên hiệp khoa học và kỹ thuật Việt nam cũng VCCI trao tặng
3. **Cúp vàng ISO** do Bộ khoa học công nghệ, Tổng cục tiêu chuẩn đo lường Việt Nam trao tặng
4. **Cúp vàng lãnh đạo xuất sắc năm 2009** cho Chủ Tịch Hội đồng quản trị Công ty do Bộ Công thương, Bộ Lao động, thương binh, xã hội, Bộ Y tế, Đài tiếng nói Việt nam trao tặng
5. **Cúp vàng sản phẩm tiêu biểu Tỉnh Thanh Hóa lần thứ nhất** do UBND Tỉnh Thanh Hóa trao tặng
6. **Xếp hạng trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam**
Năm 2009, lần thứ 3 Lasuco được tổ chức báo cáo đánh giá Việt nam (VNR) chứng nhận xếp hạng Lasuco trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt nam
7. **Nhiều cờ thưởng, bằng khen của các cấp, các ngành Trung ương và Tỉnh Thanh Hóa.**



Cúp vàng Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam lần thứ Nhất



Cúp Vàng Thương hiệu Việt



Cúp Vàng ISO



Cúp vàng lãnh đạo xuất sắc năm 2009



Cúp vàng Doanh nghiệp phát triển bền vững



Chứng nhận Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam

Phần 11

Trách nhiệm với cộng đồng

Bên cạnh nhiệm vụ chính là sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp, Lasuco luôn chia sẻ với cộng đồng cả vật chất lẫn tinh thần. Với tinh thần tương thân tương ái, trong năm 2009 đã đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa cho người nghèo Tỉnh Thanh Hóa, ủng hộ, đóng góp cho các tổ chức hoạt động từ thiện, đóng góp quỹ "Vì người nghèo", hỗ trợ cho các trẻ em mồ côi, khuyết tật, chăm sóc và nuôi dưỡng 25 Bà mẹ Việt nam Anh Hùng.

Quỹ khuyến học Lam Sơn được thành lập bởi ý tưởng, sáng kiến của Chủ tịch HĐQT Lasuco với mục đích động viên khuyến khích các tài năng trẻ là con em trong vùng mía đường Lam Sơn; tăng cường công tác khuyến học, học tập cộng đồng cho cả vùng mía. Gắn kết các hộ trồng mía và các Huyện trong vùng mía đường Lam Sơn. Mức trích lập là 1.000 đồng/tấn mía. Sự ra đời của quỹ khuyến học Lam Sơn đã được nhân dân và lãnh đạo các cấp đánh giá cao.

Công ty đã cung tiến ủng hộ tôn tạo khu di tích Lịch sử Lam Kinh

Công tác môi trường được đặc biệt quan tâm. Đã được cấp phép sản xuất thử nghiệm phân bón Bảo Nông đặc chủng cho cây mía, góp phần ổn định sản xuất và tạo ra sản phẩm mới.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
LÊ VĂN TAM



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: (84-373) 384 191/93

Fax: (84-373) 384 092

Email: lasuco@hn.vnn.vn

Website: www.lasuco.com.vn